

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN BÌNH MINH

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI GIẾT NGƯỜI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN BÌNH MINH

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI GIẾT NGƯỜI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm
Mã số: 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực.

Người thực hiện

Nguyễn Bình Minh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI GIẾT NGƯỜI	10
1.1. Khái niệm về nhân thân người phạm tội giết người.....	10
1.2. Các đặc điểm của nhân thân người phạm tội giết người.....	11
1.3. Quá trình hình thành nhân thân người phạm tội giết người.....	16
1.4. Những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội giết người.....	21
1.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội giết người	28
Chương 2: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH TỘI PHẠM GIẾT NGƯỜI VÀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	31
2.1. Tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....	31
2.2. Thực trạng nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....	42
2.3. Thực trạng những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....	50
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM GIẾT NGƯỜI TẠI TPHCM TỪ GÓC ĐỘ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI	54
3.1. Dự báo về tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....	54
3.2. Các giải pháp phòng ngừa tội phạm giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ góc độ nhân thân người phạm tội	58
KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	69

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT	An ninh trật tự
BLHS	Bộ luật hình sự
CQTHTT	Cơ quan tiến hành tố tụng
KCN	Khu công nghiệp
NLTNHS	Năng lực trách nhiệm hình sự
TAND	Tòa án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTATXH	Trật tự an toàn xã hội
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Mô hình 1.1. Mô hình tư duy con người theo học thuyết Human memory của Attkinson and Shiffrin 1968.....	18
Bảng 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2015	31
Bảng 2.2. Diễn biến của tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 (lấy năm 2012 làm năm định gốc để so sánh)	32
Bảng 2.3. So sánh cơ cấu thực tiễn của tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với một số tỉnh lân cận	33
Bảng 2.4. Tình hình khởi tố và xét xử về tội giết người tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	39
Bảng 2.5. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về giới tính	42
Bảng 2.6. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về đặc điểm lứa tuổi.....	43
Bảng 2.7. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về trình độ học vấn	44
Bảng 2.8. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội theo nghề nghiệp	45
Bảng 2.9. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về dân tộc, tôn giáo và quốc tịch	47
Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về hoàn cảnh gia đình.....	48
Biểu đồ số 2.1. Hoạt động xét xử của TAND Tp.Hồ Chí Minh (số vụ).....	33
Biểu đồ số 2.2. Hoạt động xét xử của TAND Tp.Hồ Chí Minh (số bị cáo).....	33
Biểu đồ số 2.3. Tình hình xét xử tội giết người của TAND Tp.Hồ Chí Minh 2012-2016.....	39
Biểu đồ số 2.4: Tỷ lệ người phạm tội theo giới tính (Nam, Nữ).....	42
Biểu đồ số 2.5: Cơ cấu về độ tuổi người phạm tội giết người	43
Biểu đồ số 2.6: Cơ cấu theo trình độ học vấn	44
Biểu đồ số 2.7: Cơ cấu về theo nghề nghiệp	46
Biểu đồ số 2.8: Cơ cấu theo hoàn cảnh gia đình	49

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo các số liệu thống kê từ Cục thống kê Tp Hồ Chí Minh thì Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội lớn nhất cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi các hoạt động kinh tế diễn ra năng động nhất, dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế, và sự đa dạng của các loại hình kinh tế. Trung bình hàng năm, Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp 21,3% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và 29,38% tổng thu ngân sách quốc gia của cả nước. Tổng diện tích của Thành phố Hồ Chí Minh là 2.095,06 km² trong đó khu vực đô thị bao gồm 19 quận nội thành và vùng nông thôn rộng lớn với 5 huyện ngoại thành là huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Nhà Bè và huyện Cần Giờ. Cũng theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2016 thì dân số Thành phố Hồ Chí Minh là khoảng 9.224.000. Tuy nhiên, trên thực tế nếu tính những người cư trú không đăng ký và nhập cư trong thời gian ngắn hạn thì dân số thực tế của Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 14 triệu người. Mật độ dân số ở đây khá cao, khoảng 3.809 người/km². Sự phân bố dân cư không đồng đều, chủ yếu tập trung ở các quận nội thành. Thành phố Hồ Chí Minh cũng là nơi có cơ cấu xã hội đa sắc tộc và dân tộc với đủ 54 thành phần dân tộc cùng nhau sinh sống nhưng đông nhất vẫn là dân tộc Kinh, dân tộc Hoa, dân tộc Khmer; ở đây cũng đa dạng về tôn giáo, nhưng phổ biến nhất là Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài và thờ ông bà. Xuất phát từ những đặc điểm này, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều chiến lược, mục tiêu và ra sức nỗ lực trong mọi vấn đề nhằm xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp hơn, trong đó không thể thiếu việc phòng, chống tội phạm nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra TPHCM cũng nhận được sự quan tâm sâu sắc từ Đảng và Nhà nước trong việc định hướng vĩ mô, thể hiện qua: Nghị quyết

số 16/NQ-TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về “phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020”; Chỉ thị số 10/CT-TU ngày 14/5/2003 của Thành ủy về “Lãnh đạo phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”; Chỉ thị 48/CT-TW ngày 20/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”;... Tuy nhiên, trên thực tế, tình hình tội phạm nói chung vẫn diễn ra rất phức tạp. Đối với tình hình tội giết người nói riêng luôn xảy ra với số lượng lớn và chiếm tỷ lệ cao so với tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Theo số liệu thống kê của TAND Thành phố Hồ Chí Minh, trong giai đoạn 2012 –2016, TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử khoảng 2420 vụ án và tổng số bị cáo bị xét xử là khoảng 4850 bị cáo. Trong đó, chỉ riêng tội giết người thì TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý 839 vụ (chiếm 34,6% tổng số vụ) với tổng số bị cáo là 1571 bị cáo (chiếm 32% tổng số bị cáo), tính riêng năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử 102 vụ án giết người với 133 bị cáo. Số lượng vụ án giết người năm 2016 tuy có giảm so với các năm trước tuy nhiên vẫn ở mức độ cao.

Xuyên suốt lịch sử lập pháp của xã hội loài người thì tội giết người luôn được xếp vào nhóm tội phạm nguy hiểm nhất, tạo nên sự căm phẫn và tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân vì nó tước đi quyền con người cơ bản nhất – đó là quyền được sống, gây nên tâm lý bất an cho toàn xã hội. Thế nhưng, theo số liệu nêu trên tại Tp.Hồ Chí Minh tội giết người lại chiếm tỷ lệ lớn trong số vụ án được xét xử, số bị cáo phạm tội giết người chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số bị cáo phạm tất cả các loại tội phạm khác. Nó thể hiện một xã hội có tính bất ổn cao và tiềm ẩn những nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực tới sự ổn định và phát triển của toàn xã hội. Do đó, việc hạn chế và loại trừ được loại tội phạm nguy hiểm này là một vấn đề cấp bách. Với tiền

đề như vậy nên Đề tài ***“Nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”*** đã được chúng tôi lựa chọn để nghiên cứu làm cơ sở dữ liệu thiết kế và xây dựng những phương pháp phòng ngừa có hiệu quả..

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Để thực hiện việc nghiên cứu đề tài, tác giả đã tham khảo rất nhiều công trình nghiên cứu và các bài viết về đề tài ***“Nhân thân người phạm tội”*** và các công trình về tội phạm học nói chung, cụ thể như sau

- *Giáo trình tội phạm học*, do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Đại học Huế, Trung tâm đào tạo từ xa, năm 2008.

- *Giáo trình tội phạm học* của tập thể tác giả, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2012, tái bản năm 2013, 2016.

- *Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, của Tập thể tác giả, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, năm 2000.

- *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, do GS.TS Nguyễn Văn Cảnh và PGS.TS Phạm Văn Tinh chủ biên, Học viện cảnh sát nhân dân, năm 2013.

- Bài viết: ***“Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản”*** của tác giả GS.TS. Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án, số 10/2001, tr.7-11 và Số 11/2001, tr.5-8.

- Bài viết: ***“Nhân thân bị can và một số khái niệm kề cận”***, của tác giả TS. Bùi Kiên Điện, Tạp chí Luật học, số 6/2001, tr.14-18.

- Luận văn Thạc sĩ luật học: ***“Nhân thân người phạm tội trong tội phạm học”*** của Nguyễn Thị Thanh Thủy, Trường ĐH Luật Hà Nội năm 1996.

- *Tội giết người trong Luật Hình sự Việt Nam và đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội của Đỗ Đức Hồng Hà (2006),

- *Tội giết người trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội của Đỗ Đức Hồng Hà (2001);

- Bài viết: “*Một số vấn đề về nhân thân người phạm tội*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2001, tr.46-53.

- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội với việc quy trách nhiệm hình sự*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Tòa án, số 8/2001, tr.2-7.

- Luận văn thạc sĩ Luật học: “*Nhân thân người phạm tội trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh*” của Phạm Uyên Thy (2016), Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.

- Luận văn thạc sĩ Luật học: “*Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*” của Phạm Thị Triều Mên (2016), Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.

- Luận văn thạc sĩ Luật học: “*Nhân thân người phạm tội xâm phạm sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*” của Võ Thị Tương (2016), Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.

- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội một căn cứ để quyết định hình phạt*” của tác giả Trần Văn Sơn, Tạp chí Luật học, số 1/1997, tr.41-43.

- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội một căn cứ cần cân nhắc khi quyết định hình phạt*” của tác giả Trịnh Tiến Việt, Tạp chí kiểm sát, số 1/2003, tr.21-23.

- Bài viết: “*Cần có biện pháp để thống nhất khi áp dụng tình tiết đã bị xử phạt hành chính trong Bộ luật hình sự*” của tác giả Lê Đức Tùng, Tạp chí Kiểm Sát, số 5/2005, tr.34-36.

- Bài viết: “*Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn quyết định hình phạt*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 19/2005, tr.3- 9

- Bài viết: “*Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí kiểm sát, số 17/2005, tr.32- 35.

- Bài viết: “*Các tình tiết định khung tăng nặng trong tội giết người phản ánh mức độ lỗi và các đặc điểm về nhân thân người phạm tội*” của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 18/2005, tr.17- 20.

- Bài viết: “*Một số đặc điểm chú ý về nhân thân của người phạm tội về ma túy ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Tuyết Mai, Tạp chí Luật học, số 11/2006, tr.32-37.

- Bài viết: “*Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*” của tác giả Đinh Văn Quế, Tạp chí Tòa án, số 13/2009, tr.23- 27 và số 14, tr.19-28.

- Bài viết: “*Một số vấn đề nhân thân người phạm tội*” của tác giả Nguyễn Quang Hạnh, Tạp chí Nghề luật, số 1/2013, tr.52- 57.

- Bài viết: “*Đặc điểm nhân thân người phạm tội và phương thức thực hiện tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” của tác giả Lê Văn Định, Tạp chí kiểm sát, số 6/2016, tr.47- 53

Các tác giả trong các công trình nghiên cứu trên đã phân tích làm rõ vai trò của nhân thân người phạm tội trong quyết định hình phạt, trong định tội danh hoặc trong quy định liên quan đến các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Một số tác giả đã tập trung đi sâu phân tích đặc điểm nhân thân người phạm tội gắn với một số loại tội phạm cụ thể... Những kết quả của các công trình nghiên cứu này cũng là những tri thức, hiểu biết quan trọng mà tác giả có thể kế thừa trong quá trình nghiên cứu làm đề tài của mình.

Ngoài các tài liệu chính và chủ yếu trên đây thì còn một số tài liệu tham khảo từ các trường đại học nước ngoài về Tâm lý học và Tội phạm học nhằm có sự so sánh và làm rõ hơn những yếu tố tác động và cơ chế hình thành nhân thân người phạm tội giết người, đó là các tài liệu như Tư duy của loài người (**Human memory**) của Giáo sư Attkinson và Giáo sư Shiffrin thuộc Đại học Stanford Hoa kỳ và Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu về nhân thân người phạm tội giết người trong giai đoạn 2012 đến năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm làm rõ các yếu tố và các qui luật của nó tác động tới sự hình thành nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh từ đó tạo cơ sở dữ liệu để thiết kế và hoàn thiện giải pháp phòng ngừa tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu lý luận về nhân thân người phạm tội giết người, các yếu tố tác động lên việc hình thành nhân thân người phạm tội giết người, mối quan hệ giữa các đặc điểm nhân thân người phạm tội với hành vi giết người...;

- Nghiên cứu thực tiễn các yếu tố tác động và nhân thân người phạm tội giết người ở thành phố Hồ Chí Minh; làm rõ các đặc điểm nhân thân và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kiến nghị hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ khía cạnh nhân thân người phạm tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nhân thân của người phạm tội giết người trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh nhằm làm rõ mối quan hệ mang tính biện chứng và phản ánh giữa các đặc điểm nhân thân người phạm tội giết người với các yếu tố kinh tế-xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; hay, nói cách khác là làm rõ quy luật của tình hình phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: Đề tài sử dụng số liệu nghiên cứu là các bản án hình sự sơ thẩm từ 2012 đến 2016, bao gồm số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án về tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ 2012 đến 2016.

- **Về không gian:** đề tài Luận văn được thực hiện trên phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Về tội danh và các dấu hiệu pháp lý hình sự:** đề tài nghiên cứu tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS 1999 với các dấu hiệu sau:

Thứ nhất: Hành vi làm chết người khác là hành vi dùng mọi thủ đoạn nhằm tước đoạt tính mạng, chấm dứt cuộc sống của người khác, một số hành vi cụ thể như:

+ Dùng hung khí nguy hiểm, dao, súng, công cụ, phương tiện để giết người;

+ Hành vi không thực hiện các nghĩa vụ bắt buộc phải làm để bảo đảm tính mạng của người khác;

+ Đẩy nạn nhân vào những tình thế không thể tồn tại cuộc sống được;

Hậu quả: Làm chấm dứt sự sống của người khác, tuy nhiên có thể hậu quả chết người không xảy ra nhưng người phạm tội có hành vi tước đoạt tính mạng của người khác và đã thực hiện mục đích đó thì cũng coi là cấu thành tội giết người. Nếu dùng vũ lực mà không gây hậu quả trực tiếp mà nạn nhân chết đồng thời không có mục đích giết người thì không thể coi là tội giết người.

Thứ hai: Là khách thể của tội phạm;

Khách thể của tội phạm là xâm phạm tính mạng của người khác một cách trái pháp luật

Thứ ba: Mặt chủ quan;

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý, có thể cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp; mục đích là giết người, tước đoạt tính mạng của người khác, điều này hoàn toàn khác biệt với việc Cố ý gây thương tích gây hậu quả chết người.

Nạn nhân bị tấn công bằng chất độc hoặc hung khí nguy hiểm vào các vị trí trọng yếu trên cơ thể với mục đích nhằm tước đoạt tính mạng thì được coi là hành vi giết người, còn nếu không phải mục đích tước đoạt tính mạng thì không coi là hành vi giết người.

Một số trường hợp khác có mục đích không hướng tới con người nhưng đã vô ý làm chết người cũng không xem xét về mục đích giết người và về tội giết người.

Thư tư: Là chủ thể của tội phạm, chủ thể là bất kỳ người nào có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ta về phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống tội giết người nói riêng, các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nói chung.

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung của lĩnh vực khoa học xã hội và các phương pháp nghiên cứu đặc thù của Tội phạm học, như: phương pháp hệ thống, thống kê, lịch sử, logic, phân tích, tổng hợp, so sánh, dự báo để rút ra được những kết luận có tính lý luận và thực tiễn. Ngoài ra người viết cũng đã trực tiếp nghiên cứu 220 bản án hình sự sơ thẩm về tội giết người do Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử từ 2012 đến 2016.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

- **Về lý luận:** Trên cơ sở nghiên cứu lý luận chung về nhân thân người phạm tội giết người, kết quả nghiên cứu của Luận văn góp phần bổ sung để làm cơ sở dữ liệu và hoàn thiện lý luận về nhân thân người phạm tội nói chung, nhân thân người phạm tội giết người nói riêng trong Tội phạm học.

- **Về thực tiễn:** Kết quả nghiên cứu của luận văn là những cơ sở dữ liệu quan trọng góp một phần nhỏ giúp thiết kế và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm giết người, góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Cơ cấu của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có ba chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Lý luận chung về nhân thân người phạm tội giết người

Chương 2: Thực trạng tội phạm giết người và nhân thân người phạm tội giết người người trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh

Chương 3: Giải pháp phòng ngừa tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ góc độ nhân thân người phạm tội

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI GIẾT NGƯỜI

1.1. Khái niệm về nhân thân người phạm tội giết người

Trong Tội phạm học, nhân thân người phạm tội là tổng hòa các yếu tố, các đặc điểm riêng biệt của người phạm tội ở một địa bàn hành chính – lãnh thổ nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định về các mặt tâm – sinh lý – xã hội, nhân khẩu – nhân chủng học, dân tộc học và pháp lý, những cái có ý nghĩa, điều kiện của tội phạm để có giải pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp [4, tr. 348].

Như vậy, nhân thân người phạm tội là toàn bộ các đặc điểm tự nhiên, xã hội của người phạm tội trong mối tương tác với những hoàn cảnh, điều kiện nhất định dẫn đến việc con người thực hiện một hành vi mà pháp luật hình sự gọi đó là tội phạm. Bao gồm: đặc điểm tự nhiên, đặc điểm xã hội, và đặc điểm pháp lý hình sự. Các đặc điểm này của nhân thân người phạm tội chỉ bộc lộ hoàn toàn khi một người đã thực hiện hành vi phạm tội.

Tội phạm học nghiên cứu các đặc điểm của nhân thân người phạm tội trong mối liên hệ với cơ chế điều khiển hành vi phạm tội, với qui luật tư duy của người phạm tội, từ đó xây dựng cơ sở dữ liệu để thiết kế, xây dựng các biện pháp phòng chống tội phạm có hiệu quả.

Trên cơ sở khái niệm nhân thân người phạm tội nói chung có thể rút ra khái niệm nhân thân người phạm tội giết người như sau: *Nhân thân người phạm tội giết người là tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu về tâm sinh lý, tự nhiên xã hội thể hiện bản chất của con người và các đặc điểm, dấu hiệu này khi tương tác với các điều kiện, hoàn cảnh nhất định thuộc môi trường sống sẽ dẫn đến việc người đó thực hiện hành vi phạm tội giết người được quy định tại Điều 93 BLHS 1999*

1.2. Các đặc điểm của nhân thân người phạm tội giết người

Đối với mỗi một Tội danh hoặc một nhóm tội thì những người phạm tội đều có những đặc điểm chung về nhân thân. Trong phạm vi luận văn này, người viết chỉ đề cập đến các đặc điểm của nhân thân người phạm tội giết người. Hệ thống các đặc điểm của nhân thân người phạm tội giết người cũng có các đặc điểm về nhân thân của người phạm tội nói chung nhưng cũng có các đặc điểm riêng; về cơ bản có thể chia làm bốn nhóm sau:

- Nhóm đặc điểm sinh học của người phạm tội;
- Nhóm đặc điểm xã hội của người phạm tội;
- Nhóm đặc điểm nhận thức, tâm lí của người phạm tội
- Nhóm đặc điểm pháp lí hình sự.

1.2.1. Nhóm đặc điểm sinh học

1.2.1.1. Giới tính

Nghiên cứu đặc điểm giới tính của người phạm tội, tội phạm học xác định hai vấn đề: tỷ lệ phạm tội của nam giới và nữ giới, và những đặc trưng của tội phạm do nam giới và nữ giới thực hiện, thực tiễn cho thấy do đặc điểm tâm sinh lý nên tỷ lệ nam giới phạm tội cao hơn nữ giới.

1.2.1.2. Lứa tuổi

Ở mỗi lứa tuổi thì thể chất, tâm sinh lý, nhận thức, tình thần, ý thức, kiến thức xã hội, kinh nghiệm sống,... sẽ có những đặc điểm riêng khác nhau và gắn liền với việc điều khiển hành vi của con người. Việc nghiên cứu đặc điểm về lứa tuổi nhằm xác định hai vấn đề quan trọng là: lứa tuổi nào phạm tội nhiều nhất, phân bố và diễn biến của tội phạm theo lứa tuổi và cơ cấu của tội phạm theo lứa tuổi. Độ tuổi của người phạm tội thường được tội phạm học nghiên cứu theo 4 nhóm: nhóm người từ 14 đến dưới 18 tuổi, nhóm người từ 18 đến 30 tuổi, nhóm người từ 30 tuổi đến 45 tuổi và nhóm người trên 45 tuổi. Thực tiễn cho thấy người phạm tội giết người ở độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi

chiếm tỷ lệ cao nhất. Những năm gần đây, người phạm tội giết người đang có xu hướng trẻ hóa, nhóm người phạm tội dưới 18 tuổi đang có xu hướng gia tăng. Nghiên cứu đặc điểm lứa tuổi giúp cho việc sắp xếp thứ tự ưu tiên trong các biện pháp giáo dục cải tạo, đấu tranh phòng ngừa tội giết người.

1.2.2. Nhóm đặc điểm xã hội

1.2.2.1. Trình độ học vấn

Trình độ học vấn thể hiện mức độ hiểu biết, kiến thức của con người về thế giới khách quan, về xã hội, về các mối quan hệ xã hội và những lĩnh vực khác trong đời sống. Tất cả những sự hiểu biết này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển trí tuệ, đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân, đến sự nhận định và xử lý các tình huống trong cuộc sống, Có thể nói, trình độ học vấn có sự tác động rất lớn lên hành vi ứng xử và cách giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống của mỗi người.

1.2.2.2. Địa vị xã hội và nghề nghiệp

Địa vị xã hội và nghề nghiệp là một trong những đặc điểm quan trọng của nhân thân con người nói chung và nhân thân người phạm tội nói riêng.. Địa vị xã hội và nghề nghiệp có mối quan hệ nhất định với nhau và liên quan mật thiết đến hành vi của con người.

Nghiên cứu địa vị xã hội và nghề nghiệp cho biết nhóm người làm việc ở những ngành, lĩnh vực nào trong xã hội dễ thực hiện tội phạm và loại tội phạm họ thực hiện [41, tr.145].

Dựa vào đặc điểm nghề nghiệp, người phạm tội giết người được chia thành 3 nhóm: nghề nghiệp ổn định, nghề nghiệp không ổn định và không có nghề nghiệp. Dựa vào địa vị xã hội, có thể chia người phạm tội giết người thành 2 nhóm: người có địa vị xã hội cao và người có địa vị xã hội thấp.

1.2.2.3. Hoàn cảnh gia đình

Gia đình là trường học đầu tiên và là môi trường quan trọng cho việc hình thành nhận thức, nhân cách và năng lực của cá nhân. Thông qua gia đình, cá nhân được học hỏi các chuẩn mực, các giá trị mà xã hội đề cao. Những yếu tố quan trọng nhất trong nhân cách của một cá nhân như là: nhận thức về chính mình, thái độ, sở thích, niềm tin, mục đích sống, định hướng giá trị, định hướng nghề nghiệp... đều được hình thành trong khuôn khổ gia đình thông qua vai trò của những thành viên trong gia đình đặc biệt là cha mẹ. Những khiếm khuyết của gia đình cộng với những yếu tố khác đã tác động đến việc thực hiện tội phạm của cá nhân.

Nghiên cứu đặc điểm về hoàn cảnh gia đình giúp nhận thức được nguyên nhân của việc hình thành các đặc điểm tâm lý tiêu cực của người phạm tội giết người; thấy được vai trò, trách nhiệm của gia đình đối với hành vi phạm tội của họ. Từ đó có thể kiến nghị những biện pháp phòng ngừa sớm từ góc độ gia đình thông qua các biện pháp giáo dục và kiểm soát của gia đình đối với cá nhân.

1.2.2.4. Nơi cư trú, dân tộc, quốc tịch, tôn giáo

Các đặc điểm về dân tộc, quốc tịch, nơi cư trú, nơi sinh, tôn giáo,... cũng có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách con người. Ngoài ra những yếu tố này còn có thể ảnh hưởng đến một số đặc điểm thuộc tâm lý cá nhân như: yếu tố văn hóa, tập quán, thói quen, nét tính cách đặc trưng của địa phương nơi cư trú,... Đặc điểm này có ý nghĩa trong hoạt động dự báo và hoạt động phòng, ngừa tội phạm; dựa vào đặc điểm dân tộc, người phạm tội giết người được chia thành 02 nhóm: người dân tộc Kinh, người dân tộc thiểu số; dựa vào đặc điểm quốc tịch, người phạm tội giết người được chia thành 03 nhóm: công dân Việt Nam, người nước ngoài và người không quốc tịch; dựa vào đặc điểm tôn giáo, người phạm tội giết người được chia thành 04 nhóm: người không theo tôn giáo, người theo đạo Phật,

người theo đạo Thiên chúa, và các tôn giáo khác; dựa vào đặc điểm nơi cư trú và nơi cư trú, người phạm tội giết người được chia thành 03 nhóm: người nhập cư và có nơi cư trú ổn định, người có hộ khẩu thường trú, và người không có nơi cư trú ổn định.

1.2.3. Nhóm đặc điểm nhận thức, tâm lý

Nhóm các đặc điểm về nhận thức, tâm lý của người phạm tội giết người bao gồm: ý thức đạo đức, ý thức pháp luật, nhu cầu, hứng thú, động cơ, mục đích phạm tội,...

1.2.3.1. Ý thức đạo đức

Theo Tâm lý học thì ý thức là hình thức phản ánh tâm lý cao nhất chỉ có ở con người, là sự phản ánh bằng ngôn ngữ những gì con người đã tiếp thu trong quá trình quan hệ qua lại với thế giới khách quan [11, tr. 291]. Theo Triết học Mac – Lênin thì ý thức xã hội là tinh thần của đời sống xã hội, bao gồm tri thức, quan điểm, tư tưởng, tình cảm, truyền thống, tập quán,... nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong một giai đoạn nhất định.

Là một dạng của ý thức xã hội, ý thức đạo đức thể hiện trong sự đánh giá về các giá trị như: tốt – xấu, khen – chê, cao thượng – thấp hèn,... Ý thức đạo đức được hình thành dựa trên sự hiểu biết và tuân thủ các nguyên tắc, các chuẩn mực trong việc điều khiển hành vi, trong cách ứng xử của con người trong đời sống xã hội. Những giá trị, chuẩn mực của đạo đức xã hội là nền tảng để điều chỉnh hành vi của cá nhân, hình thành nhu cầu đạo đức ở mỗi cá nhân. Những nguyên tắc, yêu cầu của đạo đức trở thành khuôn mẫu cho hành vi, xử sự của cá nhân.

1.2.3.2. Ý thức pháp luật

Ý thức pháp luật được hiểu là một thể thống nhất gồm sự hiểu biết về pháp luật và thái độ đối với pháp luật của cá nhân. Thật ra, ý thức pháp luật và ý thức đạo đức có mối quan hệ chặt chẽ và bổ sung cho nhau trong quá

trình điều chỉnh hành vi của con người. Bởi lẽ, rất nhiều quy định, giá trị, chuẩn mực của đạo đức được cụ thể hóa trong các quy định của pháp luật.

Khi nghiên cứu về ý thức pháp luật của người phạm tội giết người cho thấy phần lớn người phạm tội giết người có sự hiểu biết về pháp luật rất hạn chế, những quy định của pháp luật chưa thực sự có ý nghĩa trong việc giải quyết các quan hệ trong đời sống hàng ngày của họ, việc giải quyết các mối quan hệ xã hội chủ yếu dựa trên thói quen, kinh nghiệm của bản thân.

1.2.3.3. Nhu cầu, sở thích, thói quen

Những đặc điểm nhu cầu, sở thích, thói quen tồn tại ở bất kỳ con người nào trong xã hội, nhưng ở những người phạm tội giết người thì phần đông họ có nhu cầu, sở thích, thói quen tiêu cực, không lành mạnh. Nhu cầu, sở thích, thói quen là nhân tố tác động trực tiếp đến việc hình thành động cơ, mục đích phạm tội và sự kiên định thực hiện tội phạm. Đối với mỗi loại tội phạm khác nhau thì người phạm tội cũng xuất phát từ nhu cầu, sở thích, thói quen khác nhau.

1.2.3.4. Động cơ, mục đích phạm tội

Động cơ, mục đích phạm tội thể hiện trạng thái tâm lý của người phạm tội đối với hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi đó gây ra. Động cơ được hiểu là động lực bên trong thúc đẩy con người hành động, còn mục đích là mục tiêu được đặt ra, là kết quả mà con người muốn đạt được thông qua hành vi của mình. Nói một cách khác, động cơ và mục đích là các yếu tố về mặt tâm lý, thể hiện ý thức chủ quan của con người.

1.2.4. Nhóm đặc điểm pháp lý hình sự

Nhóm đặc điểm pháp lý hình sự là những dấu hiệu thể hiện tính chất nguy hiểm của tội phạm và của nhân thân người phạm tội, có ý nghĩa trong việc định tội danh, định khung và quyết định hình phạt.

Các đặc điểm pháp lý hình sự trong nhân thân người phạm tội giết người bao gồm: người phạm tội lần đầu; người tái phạm, tái phạm nguy hiểm; người tổ chức, cầm đầu, mang tính chuyên nghiệp.

Tiền án, tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm là những dấu hiệu thể hiện xu hướng chống đối xã hội, coi thường pháp luật, sự cố ý xâm phạm lợi ích của nhà nước, của tập thể và của cá nhân; đồng thời cũng là tiêu chí đánh giá hiệu quả giáo dục cải tạo, tái hoà nhập người đã được ít nhất vi phạm, phạm tội... Vì vậy, nghiên cứu các đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm không chỉ giúp nhận thức đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà còn giúp hiểu rõ nguyên nhân phát sinh tội phạm cũng như có cơ sở trong việc đề ra các giải pháp phòng ngừa hữu hiệu.

Các đặc điểm này đều thể hiện ý thức phạm tội của người phạm tội. Do đó, việc nghiên cứu các đặc điểm này giúp hiểu rõ được ý thức phạm tội của người phạm tội và nguyên nhân phát sinh tội phạm, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp phòng ngừa hữu hiệu

Tóm lại, nghiên cứu các đặc điểm nhân thân người phạm tội giết người thì phải nghiên cứu cả bốn nhóm đặc điểm nêu và đặt chúng trong mối quan hệ hữu cơ để giúp cho việc phác họa một bức tranh tổng thể, hệ thống về nhân thân người phạm tội giết người. Từ đó xây dựng cơ sở dữ liệu để thiết kế các giải pháp phòng ngừa tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng một đạt hiệu quả cao.

1.3. Quá trình hình thành nhân thân người phạm tội giết người

Người phạm tội giết người trước hết cũng là một con người và có một quá trình phát triển sinh học như những người bình thường, bao gồm:

- *Giai đoạn thứ nhất: Quá trình này diễn ra trong gia đình, kể từ con người được sinh ra, được dạy dỗ để trở thành một con người xã hội.* Gia đình là môi trường đầu tiên của con người, là nơi hình thành nên một số đặc điểm

nhân thân của con người, giai đoạn này tùy thuộc vào đặc điểm của từng gia đình mà con người hình thành nên những đặc điểm nhân thân riêng, giai đoạn này con người bắt đầu hình thành những đặc điểm nhân thân mang tính xã hội đầu tiên.

- *Giai đoạn thứ hai: Đó là khi con người tới tuổi đến trường đi học, chịu sự tác động của nhà trường và bạn bè.* Nhà trường và bạn bè là những tác nhân tạo nên những đặc điểm về nhân thân của con người, những đặc điểm về nhân thân giai đoạn này phản ánh môi trường học tập và bạn bè của con người.

- *Giai đoạn lần thứ ba: Đây là giai đoạn xã hội hóa khi cá nhân đã thành niên, là giai đoạn mà cá nhân xúc với các chuẩn mực xã hội.* Cũng là con người và cùng trải qua các giai đoạn phát triển về mặt sinh học và xã hội như đã nêu, tuy nhiên có những người sẽ hình thành nên những đặc điểm nhân thân tích cực và có những người hình thành nên những đặc điểm nhân thân tiêu cực.

Có rất nhiều học thuyết giải thích về nguồn gốc của tội phạm và các đặc điểm nhân thân của người phạm tội: Chẳng hạn như cách giải thích của Cesare Lombroso về vấn đề tội phạm đã cho rằng hành vi của con người là do những yếu tố di truyền và do sự cấu tạo về gen. Sigmund Freud thì tin rằng các yếu tố sinh lý đóng một vai trò quan trọng trong sự hình thành nhân cách của con người. Ông nhấn mạnh thời kỳ thơ ấu là thời kỳ quan trọng trong việc hình thành nhân cách của cá nhân, và tất cả những gì bất bình thường xảy ra đối với cá nhân trong giai đoạn này sẽ để lại những dấu ấn trong tiềm thức của cá nhân.

Theo quan điểm của người viết thì một trong các học thuyết có thể ứng dụng để nghiên cứu tội phạm nói chung và tội phạm giết người nói riêng từ góc độ nhân thân một cách hiệu quả và thiết thực là học thuyết “Human

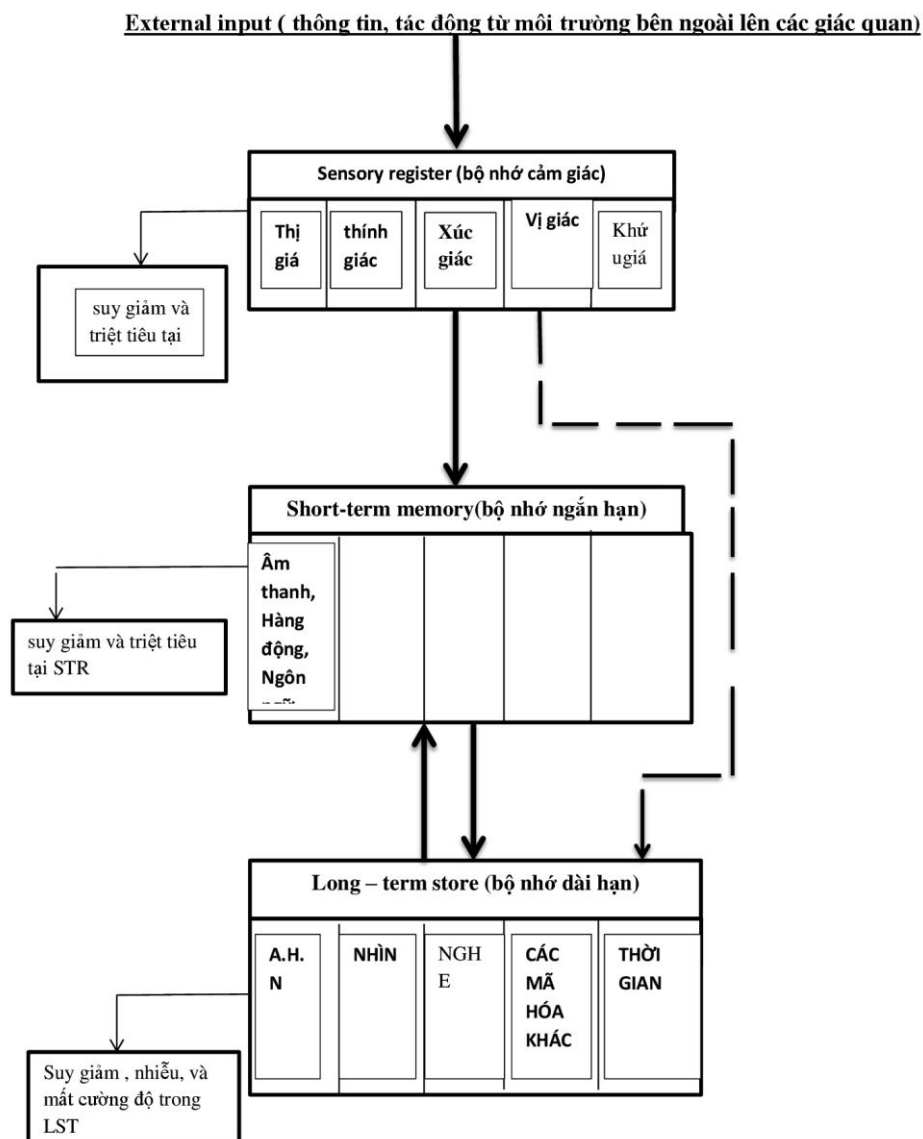
memory and its control processes” (tạm dịch: tư duy con người và quá trình kiểm soát nó) của hai đồng tác giả thuộc Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ là Giáo sư Attkinson và Giáo sư Shiffrin.

Theo Attkinson và Shiffrin thì hệ thống “Tư duy của con người” được mô hình hóa dưới dạng cấu trúc của máy tính (computer) và được chia làm 3 thành phần có mối liên hệ chặt chẽ và tương hỗ với nhau là: Tư duy giác quan (sensory register), Tư duy làm việc (working memory) và Tư duy lưu trữ dài hạn (Longterm memory) trong đó Tư duy giác quan có vai trò như bộ nhớ Ram (nơi đưa các thông tin đầu vào), Tư duy làm việc (Working memory) có vai trò như Bộ xử lý trung tâm (CPU) và Tư duy lưu trữ dài hạn có vai trò như ổ cứng (HDD) là nơi lưu giữ dữ liệu- dữ liệu ở đây được lưu trữ vô hạn [46, tr. 90]. Tư duy giác quan là nơi xử lý các thông tin từ môi trường thông qua hệ thống các giác quan của con người là nghe, nhìn, ngửi, nếm, cảm giác, các yếu tố từ môi trường rất nhiều tuy nhiên chỉ có các yếu tố nào tạo kích thích lên các các giác quan hoặc lặp đi lại tới các giác quan tương ứng thì mới được đưa vào Tư duy giác quan (sensory register). Tư duy làm việc (working memory) là nơi thu nhận thông tin đã từ bộ nhớ giác quan và xử lý theo các các phương thức lập trình và mã hóa các thông tin này, thông tin sau khi đã được Tư duy làm việc (working memory) xử lý theo cơ chế lặp đi lặp lại [46, tr. 111] và sau đó sẽ được đưa vào Tư duy lưu trữ dài hạn (Long termemory) để phân loại-lưu trữ dưới dạng dữ liệu và các lập trình để xử lý tình huống, Tư duy lưu trữ dài hạn là nơi lưu trữ vô hạn và được xem như là cơ sở dữ liệu của Bộ nhớ làm việc và Bộ nhớ giác quan. Ngoài ra giữa Tư duy giác quan và Tư duy dài hạn có mối liên hệ trực tiếp và song song với mối liên hệ với Tư duy làm việc; khi thông tin từ môi trường tiếp xúc với các giác quan thì các giác quan này sẽ báo cáo thẳng tới Tư duy dài hạn và lúc này Tư duy dài hạn sẽ đối chiếu thông tin này với cơ sở dữ liệu được lưu giữ tại đây và nếu

có sẽ đưa ra phương án xử lý gửi qua Tư duy làm việc (Working memory) (Trích dẫn trang). Như vậy theo Attkinson và Shiffrin thì Tư duy làm việc là nơi đưa ra các mệnh lệnh để điều khiển hành động của con người dựa trên cơ sở dữ liệu của Tư duy lưu trữ. Học thuyết về Tư duy của loài người của Attkinson và Shiffrin hiện nay được ứng dụng rất rộng rãi mà đặc biệt là trong giáo dục và khoa học về Tội phạm mà đặc biệt là các nước Âu Mỹ.

Mô hình chi tiết như sau:

Mô hình 1.1



Nguồn: Human memory and its control processes (Tạm dịch: tư duy con người và qui trình kiểm soát của nó).

Theo quan điểm của người viết thì học thuyết “*Tư duy của con người*” của *Attkinson* và *Shiffrin* có giá trị ứng dụng rất lớn trong việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội nói chung và phạm tội giết người nói riêng. Ứng dụng học thuyết này sẽ có một cái nhìn tổng thể và xuyên suốt các giai đoạn phát triển của con người cùng với các đặc điểm nhân thân của họ. Theo học thuyết này khi các đặc điểm của môi trường sống tương tác với các giác quan con người (các đặc điểm về nhân thân) sẽ được não bộ con người xử lý và lưu trữ dưới dạng dữ liệu và các phương án xử lý tình huống đã được lập trình. Nếu xem các Phương án xử lý này như những thuật toán thì các biến số sẽ là các điều kiện và tác nhân từ môi trường sống và khi gặp các biến số này thì con người sẽ có các hành vi tương ứng theo lập trình sẵn có tại cơ sở dữ liệu.

Học thuyết này còn có những điểm tương đồng với số Triết học Nho giáo của phương Đông về phương diện Nhân thân của con người tuy được trình bày chi tiết hơn, mà cụ thể là có cùng quan điểm: con người vốn dĩ sinh ra đều như nhau, nhân cách là do quá trình tương tác với môi trường mà nên, như chân ngôn “*Nhân chi sơ tính bản thiện*” trong sách Tam tự kinh của Nho giáo.

Học thuyết này còn giải thích được vì sao có những người có các đặc điểm nhân thân rất tốt lại trở thành tội phạm, đó là do cơ chế tự động lưu lại dữ liệu khi các giác quan bị kích thích liên tục và đưa vào Tư duy làm việc sau đó được lưu giữ tại Tư duy lưu trữ và tạo nên cơ sở dữ liệu để điều khiển hành vi.

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy, quá trình hình thành các đặc điểm nhân thân của người phạm tội giết người thường cũng diễn ra theo các giai đoạn và trong các môi trường gia đình, nhà trường, bạn bè và sự tác động

từ các yếu tố khác từ môi trường sống như bất kỳ một cá nhân nào khác trong xã hội. Song, sự tác động của những yếu tố này lên quá trình hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội giết người lại diễn ra theo hướng tiêu cực. Đa phần người phạm tội giết người xuất thân từ những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt như: gia đình khuyết thiếu; gia đình không quan tâm đến nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, bất hòa; gia đình có thành viên là người phạm tội; gia đình có khó khăn về kinh tế. Thực tế cho thấy người phạm tội giết người đa số có trình độ học vấn thấp. Nói một cách khác, đối với người phạm tội giết người, nhà trường chưa thực hiện được chức năng tác động đến việc hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực cũng như là nét nhân cách tốt của cá nhân như lý thuyết đã phân tích ở trên. Ngoài ra, môi trường nhóm bạn bè cũng tác động rất mạnh mẽ lên nhận thức, suy nghĩ, thái độ và hành vi của người phạm tội giết người. Nhóm bạn mà người phạm tội giết người chơi chung cũng có những nét tương đồng về hoàn cảnh gia đình, trình độ học vấn, nghề nghiệp nên dễ có những nhận thức, suy nghĩ, hành vi giống nhau, vì vậy dễ bị lôi kéo, rủ rê vào hành vi này.

1.4. Những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội giết người

1.4.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

1.4.1.1. Các yếu tố tiêu cực thuộc về môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của con người. Nói cách khác, gia đình giữ vai trò quan trọng bậc nhất trong việc hình thành nhân cách, tính cách, lối sống của mỗi cá nhân.. Các yếu tố tiêu cực từ môi trường gia đình tác động đến hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội giết người bao gồm:

Thứ nhất, gia đình không hạnh phúc: Đó là những gia đình cha mẹ sống không hòa thuận, thường xuyên đánh chửi nhau trước mặt con cái, không yêu thương, che chắn và bảo vệ, kể cả việc đánh đập trẻ. Sống trong môi trường gia đình này, đứa trẻ thường bị ám ảnh về mặt tinh thần, suy nghĩ mọi việc đều có thể được giải quyết bằng con đường bạo lực. Tất cả những điều này tác động lên hành vi, cách ứng xử bạo lực, tiêu cực của cá nhân khi gặp phải những mâu thuẫn trong cuộc sống, từ đó dễ dẫn đến phạm tội giết người.

Thứ hai, gia đình khuyết thiếu: gia đình khuyết thiếu là gia đình không có cha, không có mẹ hoặc không có cả cha và mẹ. Sống trong môi trường gia đình khuyết thiếu, trẻ thường thiếu sự dạy dỗ và tình thương của cha mẹ nên rất dễ phát sinh tâm lý lệch lạc, tự do ngang bướng, bất cần, dễ bị tổn thương, thiếu tự tin, mặc cảm, buồn chán, dễ sa ngã. Trong hoàn cảnh đó trẻ dễ bị kẻ xấu lôi kéo, lợi dụng, không chế thực hiện những hành vi phạm tội, trong đó có tội giết người.

Thứ ba, gia đình có kinh tế khó khăn: Đối với những gia đình có hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn cũng tác động lớn đến việc hình thành nhân cách của trẻ.. Trẻ sống trong gia đình có kinh tế khó khăn như vậy sẽ, khát khao đổi đời, mong muốn nhanh chóng có tiền, mong muốn kiếm tiền bằng mọi giá, kể cả vi phạm pháp luật để trở nên giàu có, thoát khỏi đói nghèo..

Thứ tư, gia đình thiếu sự quan tâm chăm sóc, giáo dục con cái: Đây thường là những gia đình có điều kiện về kinh tế nhưng cha mẹ chỉ lo kiếm tiền mà thiếu thời gian dành cho con của mình dẫn tới sự hình thành khoảng cách giữa cha mẹ và con cái, tạo tiền đề cho con cái tìm tới bạn bè xấu lập băng nhóm, trẻ dễ có lối sống lêu lổng, ăn chơi, buông thả, thậm chí là cờ bạc, rượu chè, hút sách,... Nếu gặp những tình huống thuận lợi, thì

những thói quen, lối sống không lành mạnh này dễ dàng là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội.

1.4.1.2. Các yếu tố tiêu cực từ môi trường giáo dục

Các yếu tố tiêu cực từ môi trường giáo dục tác động đến hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội giết người bao gồm:

Thứ nhất, nhà trường chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống: Một trong những mục tiêu quan trọng của nhà trường là giáo dục nhân cách cho con người. Nhưng thực tế hiện nay ở nước ta, nhà trường chú trọng đến việc dạy chữ, thành tích, điểm số nhiều hơn việc giáo dục đạo đức, kỹ năng, lối sống cũng như văn hóa ứng xử cho các em. Không được giáo dục tốt, trẻ dễ hình thành đặc điểm nhân thân xấu như coi thường đạo đức, pháp luật,... và khi gặp những tình huống thuận lợi, trẻ sẽ lựa chọn cách thức xử sự trái đạo đức, trái pháp luật.

Thứ hai, sự gia tăng của tình trạng bạo lực học đường: Tình trạng bạo lực học đường hiện nay đang ở mức báo động và ngày càng diễn biến phức tạp, cả về số lượng và tính chất. chủ yếu tập trung ở cấp 2 và cấp 3. Trong nhận thức của các em, việc sử dụng bạo lực là giải pháp tối ưu để bảo vệ thể diện, danh dự, để thể hiện cái tôi của bản thân. Tình trạng bạo lực học đường có thể tác động một cách trực tiếp lên tinh thần, thái độ, nhận thức, lối sống của các em. Nhưng đồng thời cũng làm cho nạn nhân trở nên sợ hãi, căm giận, thù hận, và từ đây có thể là nguyên nhân để làm nảy sinh các hành vi phạm tội.

Thứ ba, nhà trường chưa có sự quản lý học sinh một cách chặt chẽ, chưa có sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý học sinh: Gia đình thường ỷ lại, giao phó việc quản lý, quan tâm và giáo dục trẻ cho nhà trường, còn nhà trường lại chỉ thực hiện chức năng truyền thụ kiến thức mà không có sự giáo dục toàn diện cho học

sinh. Chính do chưa quản lý chặt chẽ nên khi học sinh có những biểu hiện lệch chuẩn như: thường xuyên trốn học, học hành sa sút, đánh nhau, đua đòi, uống rượu, cờ bạc, chơi games, thậm chí sử dụng ma túy... nhưng không được thầy cô phát hiện để giáo dục, uốn nắn kịp thời. Bên cạnh đó, nhà trường chưa có những giải pháp hữu hiệu trong việc quản lý, giáo dục và giúp đỡ những học sinh cá biệt. Ngược lại, khi học sinh vi phạm kỷ luật của nhà trường thì trên thực tế có rất nhiều trường hợp nhà trường đã đưa ra hình thức kỷ luật là buộc thôi học. Việc làm này vừa làm đánh mất đi cơ hội học tập của học sinh, đồng thời vừa làm nảy sinh những tâm lý tiêu cực như: chán nản, căm ghét, thù tức, thậm chí là nảy sinh suy nghĩ sẽ trả thù. Từ những nguyên nhân này có thể dẫn đến một người có những hành vi vi phạm pháp luật, thậm chí là phạm tội giết người.

1.4.1.3. Các yếu tố tiêu cực từ môi trường bạn bè

Nhóm bạn bè cùng trang lứa có ảnh hưởng rất lớn đến suy nghĩ và hành vi của trẻ vì trẻ có những đặc điểm về tâm sinh lý lứa tuổi giống nhau, gần gũi, thường xuyên tâm sự với nhau, vì vậy có ảnh hưởng lớn đến quan điểm, suy nghĩ, thái độ, nhận thức, lối sống, thói quen, cách cư xử của trẻ. Nếu kết bạn với nhóm bạn bè tốt thì trẻ sẽ dễ hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực như chăm học, biết quan tâm, lo lắng với mọi người, lễ phép, có kỹ năng sống tốt. Ngược lại, khi chơi với những người bạn xấu thì trẻ dễ nhiễm những thói hư tật xấu, lười học, ham chơi, uống rượu, nghiện ma túy, đua đòi,... Trong những hoàn cảnh nhất định, các yếu tố tiêu cực này có thể làm phát sinh hành vi phạm tội.

1.4.1.4. Các yếu tố tiêu cực từ môi trường kinh tế - xã hội vĩ mô

Cơ chế kinh tế thị trường như hiện nay đã mở ra cho con người nhiều cơ hội, thúc đẩy văn hóa – giáo dục phát triển, bỏ qua những cái lạc hậu, tiếp thu những cái mới tiến bộ hơn. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng nảy sinh những

mặt trái dễ làm con người sa ngã, thoái hóa biến chất. Những mặt trái đó có thể là:

- *Tâm lí coi trọng đồng tiền, sự suy thoái về đạo đức.* Thực tế đã cho thấy, vì đồng tiền mà nhiều người có thể rơi vào con đường tù tội như: buôn bán hàng giả, buôn bán ma túy, lừa đảo, trốn thuế, trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, thậm chí là giết người – cướp tài sản. Chính lối sống thực dụng, chuộng vật chất, tâm lí coi trọng đồng tiền, muốn được hưởng thụ mà lười lao động, sự xuống cấp, suy thoái về đạo đức,... những vấn đề được coi là mặt trái của nền kinh tế thị trường đã thúc đẩy một số người sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội.

- *Tâm lí thích sử dụng bạo lực và thỏa mãn những dục vọng của bản thân.* Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự phát triển như vũ bão của những phương tiện khoa học kỹ thuật, phương tiện truyền thông đại chúng đã dẫn tới sự du nhập của những văn hóa phẩm độc hại bao gồm: phim ảnh bạo lực, games online chứa đựng những nội dung bạo lực, phim sex, phim ảnh mô tả đời sống tình dục của những người đồng giới,... đã ảnh hưởng rất xấu đến sự phát triển tâm sinh lí của con người. Ngày càng có nhiều người có khuynh hướng dùng bạo lực để giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống.

- *Tâm lí ăn chơi, đua đòi, nghiện cờ bạc, ma túy, bia rượu.* Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã giúp tạo ra việc làm, giúp nâng cao thu nhập của người dân. Đồng thời, dưới sự tác động của quá trình đô thị hóa với những dự án mở đường, xây dựng các KCN, hình thành các khu vực đô thị,... đã làm cho một bộ phận dân cư trước đây có mức thu nhập thấp, mức sống trung bình, nay nhận được một khoản tiền đền bù, giải tỏa,... Nhiều người đã dùng khoản tiền này để tiêu xài phung phí, chơi cờ bạc, rượu chè. Việc sử dụng rượu bia, ma túy, chất kích thích đã làm cho con người dễ bị kích động,

thiếu tính kiềm chế, không kiểm soát bản thân nên dễ dẫn đến hành vi phạm tội, trong đó có tội giết người.

- *Những hạn chế trong quản lý kinh tế – xã hội.* Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm vẫn còn là một vấn đề lớn cần phải được quan tâm giải quyết, số hộ nghèo vẫn còn rất nhiều, một số hộ đã thoát nghèo nhưng không bền vững, phúc lợi xã hội cho người dân chưa được đảm bảo. Kinh tế khó khăn, thu nhập bấp bênh, không ổn định dễ làm cho con người rơi vào trạng thái bi quan, chán nản, bế tắc, bị thôi thúc phải kiếm tiền nên dễ dẫn đến con đường phạm tội.

Công tác quản lý của nhà nước trên lĩnh vực văn hóa còn rất nhiều hạn chế. Các văn hóa phẩm đồi trụy, bạo lực... có thể tìm mua một cách dễ dàng. Các cơ quan nhà nước chưa quản lý internet một cách chặt chẽ, các đoạn clip, phim ảnh, các ấn phẩm độc hại khác đã được sự trợ giúp của các trang mạng xã hội đang lan truyền với tốc độ nhanh chóng trong đời sống của giới trẻ hiện nay. Một bộ phận giới trẻ đã bị ảnh hưởng tính bạo lực, nhận thức về hành vi ứng xử trong các mối quan hệ xã hội cũng bị lệch lạc. Điều này đã làm cho quan hệ xã hội của nhóm người này trở nên phức tạp hơn và dễ sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hàng ngày, từ đó dễ làm bộc phát hành vi giết người.

1.4.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội giết người

Những đặc điểm nhân thân tiêu cực được hình thành là do sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tiêu cực thuộc cá nhân con người.

Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội giết người gồm: Trí tuệ; sai lệch về sở thích; sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu; sai lệch trong ý thức pháp luật.

Trí tuệ hay sự thông minh của mỗi cá nhân cụ thể sẽ có sự khác nhau, điều này tùy thuộc về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, yếu tố di truyền, môi trường sống... Một người có hiểu biết tốt thì sẽ có khả năng đánh giá, phân tích các yếu tố của môi trường sống một cách chính xác, từ đó chọn lọc được các yếu tố tích cực để tiếp thu, học hỏi và loại bỏ hay có sức phản kháng lại các yếu tố tiêu cực. Đa số người phạm tội giết người có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận biết, đánh giá và phân tích các tình huống xảy ra rất hạn chế, dễ dẫn đến sai lầm trong giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống.

Sở thích là những hoạt động thường xuyên hoặc thói quen đem lại cho con người niềm vui, sự phấn khởi trong cuộc sống. Nếu cá nhân có những sở thích như đọc sách, xem băng đĩa, vui chơi lành mạnh thì hình thành ở người đó nhân cách đúng đắn. Ngược lại, cá nhân có sở thích không lành mạnh, tiêu cực như tụ tập ăn chơi, ăn diện, rượu chè, ma túy,... sẽ hình thành ở cá nhân đó nhân cách lệch lạc như sống thực dụng, coi trọng vật chất, hưởng thụ, sống nhanh, sống gấp, sống buông thả, không có hoài bão, không có định hướng, coi thường chuẩn mực đạo đức,... Đến một lúc nào đó, gặp những hoàn cảnh, tình huống cụ thể họ sẽ không kiềm chế, kiểm soát được hành vi của mình và lựa chọn cách xử sự không đúng đắn, kể cả xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác.

Mỗi cá nhân trong xã hội đều có những nhu cầu rất khác nhau và thể hiện trong tất cả các mặt của đời sống, như nhu cầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, vật chất, chức vụ, tình dục... Nếu cá nhân có nhu cầu trái với chuẩn mực chung thì trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định sẽ lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu trái chuẩn mực chung dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội

Ngoài ra, những sai lệch trong ý thức pháp luật cũng là một trong những yếu tố tác động trong cơ chế làm phát sinh tội phạm.

1.4.3 Đặc thù của nhân thân người phạm tội giết người.

Số liệu thống kê cho thấy về mặt sinh học thì số người phạm tội giết người là Nam giới chiếm tỷ lệ rất cao (trên 90%); trên 90% trong độ tuổi từ 18-50 tuổi

Hầu hết người phạm tội giết người có trình độ học vấn thấp; về tính chất của mâu thuẫn, hầu hết các vụ giết người đều xuất phát từ các mâu thuẫn nhỏ và mang tính bộc phát; hầu hết các vụ giết người đều có sử dụng hung khí và có sự chuẩn bị hung khí.

1.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội giết người

Nhân thân người phạm tội là vấn đề quan trọng được nhiều ngành khoa học nghiên cứu như tội phạm học, khoa học luật hình sự, tâm lý học tư pháp... Tuy nhiên do mỗi ngành khoa học có mục đích nghiên cứu khác nhau cho nên phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu về nhân thân người phạm tội cũng khác nhau.

. Trong phạm vi luận văn này, người thực hiện xin đề cập các ý nghĩa chính sau:

- Thứ nhất, Nghiên cứu làm rõ nhân thân người phạm tội giết người giúp xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội giết người (nguyên nhân từ phía người phạm tội và nguyên nhân từ phía xã hội).

Nhân thân người phạm tội giết người với tổng thể các đặc điểm có tác động chi phối hành vi phạm tội và cũng chính là kết quả của sự tác động qua lại giữa người phạm tội và môi trường xã hội của người phạm tội giết người. Bằng những nghiên cứu tổng quát về nhân thân người phạm tội giết người và những số liệu về các loại tội giết người góp phần làm rõ những tác động tiêu cực của môi trường gia đình, nhà trường, môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội vĩ mô đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội giết người. Nghiên cứu cụ thể về các đặc điểm và những yếu tố tác động đến

quá trình hình thành các đặc điểm tiêu cực của nhân thân người phạm tội giết người sẽ cho thấy rõ những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh hành vi phạm tội giết người.

- Thứ hai, Nghiên cứu làm rõ nhân thân người phạm tội giết người, giúp đề ra các biện pháp phòng ngừa tội giết người nói riêng và tội phạm nói chung.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội giết người có thể xác định được những yếu tố tiêu cực từ phía người phạm tội và những yếu tố tiêu cực từ môi trường xã hội trong sự tác động qua lại với nhau hình thành nguyên nhân của tội giết người. Từ đó, có những giải pháp phòng ngừa tội giết người hiệu quả bằng cách tác động làm hạn chế hoặc loại trừ các tác động tiêu cực từ môi trường sống, qua đó góp phần hạn chế hay loại trừ các đặc điểm nhân thân tiêu cực của con người, góp phần quan trọng trong phòng ngừa tội phạm.

- Thứ ba, Nghiên cứu làm rõ nhân thân người phạm tội giết người, giúp đề ra các biện pháp giáo dục cải tạo người phạm tội giết người.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội giết người để có các hình thức, phương pháp giáo dục, quản lý người phạm tội giết người... một cách phù hợp và hiệu quả. Cần phải dựa vào đặc điểm nhân thân của người phạm tội giết người để phân loại người phạm tội giết người nhằm áp dụng các biện pháp giáo dục, cải tạo phù hợp với từng nhóm người với các đặc điểm nhân thân khác nhau nhằm cải thiện hoặc loại trừ các đặc điểm nhân thân tiêu cực có vai trò quan trọng đối với việc phát sinh tội giết người, từ đó có thể giáo dục, cải tạo họ thành người tốt, không tái phạm tội.

- Thứ tư, Nghiên cứu làm rõ nhân thân người phạm tội giết người còn góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho các ngành khoa học pháp lý khác: khoa học luật hình sự, khoa học luật tố tụng hình sự, khoa học Điều tra hình sự.

Khoa học luật hình sự dựa vào các yếu tố nhân thân được nghiên cứu để xác định chính sách pháp luật hình sự, xây dựng các cấu thành tội phạm và các căn cứ quyết định quyết định hình phạt đảm bảo xử lý tội phạm hiệu quả.

Khoa học luật Tố tụng hình sự dựa vào những thông tin phản ánh về nhân thân người phạm tội giết người như độ tuổi, giới tính, dân tộc, tiền án, tiền sự, nghề nghiệp, trình độ học vấn,... để nghiên cứu đưa ra những quy phạm pháp luật quy định về trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với người phạm tội giết người nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Khoa học Điều tra hình sự dựa trên những thông tin về nhân thân người phạm tội giết người như một trong những căn cứ để đề ra, xác định phương pháp, phương hướng, chiến thuật điều tra nhằm thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Kết luận Chương 1

Chương 1 của luận văn đã tập trung phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm tội giết người, bao gồm: phân tích khái niệm nhân thân người phạm tội giết người; 4 nhóm đặc điểm của nhân thân người phạm tội: đặc điểm sinh học đặc điểm xã hội, đặc điểm nhận thức – tâm lý của người phạm tội, đặc điểm pháp lý hình sự; quá trình hình thành nhân thân người phạm tội giết người; những yếu tố khách quan thuộc về môi trường sống và các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội giết người. Những vấn đề lý luận ở chương 1 là nền tảng, là cơ sở cho việc làm rõ thực tiễn nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ở Chương 2

Chương 2

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH TỘI PHẠM GIẾT NGƯỜI VÀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Thực trạng, diễn biến của tình hình tội giết người

Theo số liệu thống kê kết quả xét xử hàng năm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số vụ án giết người trên địa bàn đã xét xử thể hiện ở bảng sau:

***Bảng 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội giết người trên địa
bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2015***

Năm xét xử	Tình hình xét xử tội giết người tại Tp. Hồ Chí Minh	
	Số vụ án đã xét xử	Số bị cáo
2012	201	437
2013	191	365
2014	170	311
2015	175	325
2016	102	133
Tổng	839	1.571

Nguồn: Theo số liệu thống kê xét xử của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh

Diễn biến hay động thái của tình hình tội giết người, như đã nhấn mạnh là sự thay đổi về thực trạng (mức độ) và cơ cấu của tình hình tội này. Diễn biến động thái của tình hình tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phản ánh sự thay đổi, xu hướng tăng giảm hoặc ổn định tương đối của tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2015.

Như vậy, nếu so sánh liên kế giữa năm trước và năm sau, có thể thấy tình hình tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng tăng giảm thất thường.

Theo số liệu thống kê xét xử tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được phản ánh tại Bảng 2.1 có thể thấy xét xử về vụ án giết người, Tòa án nhân dân xét xử; năm 2012 xét xử 201 vụ; năm 2013 xét xử 191 vụ; năm 2014 xét xử 170 vụ và năm 2015 xét xử 175 vụ; năm 2016 xét xử 102 vụ. Nếu xét theo số bị cáo phạm tội giết người bị xét xử; năm 2012 là 437 bị cáo; năm 2013 là 365 bị cáo; năm 2014 là 311 bị cáo, năm 2015 là 325 bị cáo, năm 2016 là 133 bị cáo

Nhìn chung, tình hình tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 có xu hướng giảm cả về số vụ lẫn cả về số bị cáo, nhưng vẫn ở mức cao. Nếu lấy năm 2012 là năm định gốc để so sánh, chúng ta thấy tình hình tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng tăng. Nhận xét đó được chứng minh bằng bảng so sánh dưới đây:

Bảng 2.2. Diễn biến của tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 (lấy năm 2012 làm năm định gốc để so sánh)

Năm	Số vụ	Tỷ lệ tăng/giảm	Số bị cáo	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
2012	201	100%	437	100%	
2013	191	95,02%	365	83,52%	
2014	170	84,6%	311	71,2%	
2015	175	87,06%	325	74,4%	
2016	102	50,7%	133	30,43%	

Nguồn: Theo số liệu thống kê xét xử của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Dựa vào biểu đồ trên có thể thấy tình hình tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh về số vụ và số bị can tính từ năm 2012 có xu hướng

tăng giảm thất thường. Tuy đến năm 2017 tỷ lệ giảm là rất lớn nhưng vẫn ở mức độ cao. Điều này cho thấy công tác phòng chống tội phạm giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho tới năm 2017 đã đạt được những kết quả tốt tuy vậy số lượng vụ án giết người vẫn ở mức độ cao trên 100 vụ.

2.1.2. Cơ cấu tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Trong 05 năm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử 894 vụ án với 1.778 bị cáo. So với các tỉnh lân cận thì tỷ lệ vụ án giết người ở đây luôn cao hơn nhiều lần so với tỉnh cũng có số vụ giết người cao là Đồng Nai, Bình Dương.

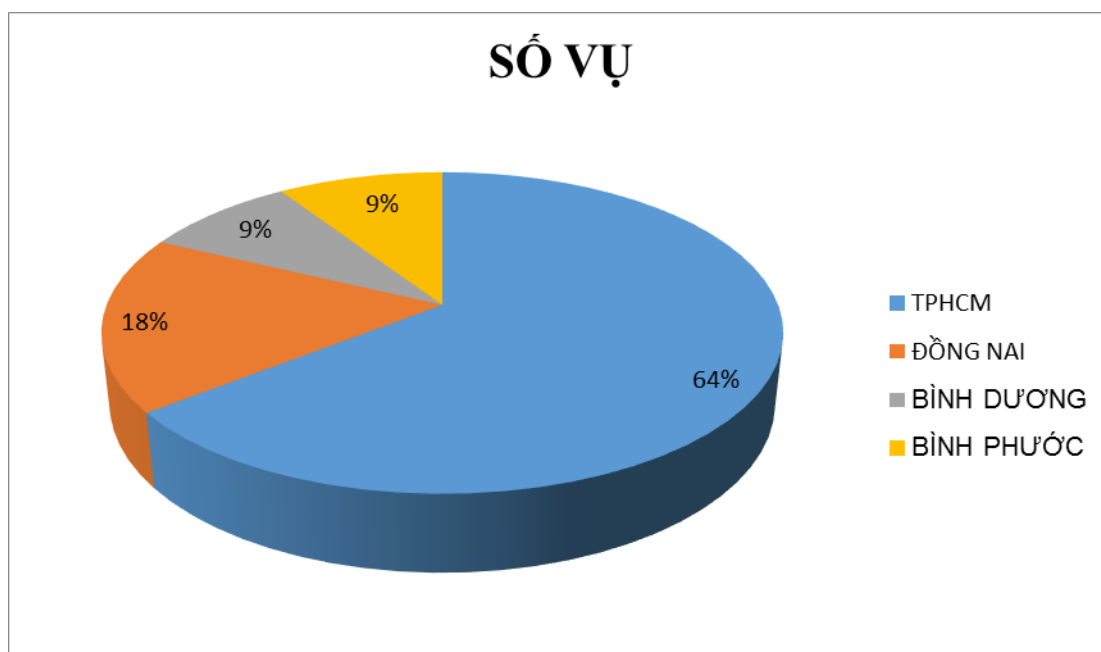
Bảng 2.3. So sánh cơ cấu thực tiễn của tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với một số tỉnh lân cận

Năm	Tp. HCM		Đồng Nai		Bình Dương		Bình Phước	
	Vụ án	Bị cáo	Vụ án	Bị cáo	Vụ án	Bị cáo	Vụ án	Bị cáo
2012	201	437	38	74	26	61	18	39
2013	191	365	41	116	27	58	21	42
2014	170	311	40	96	32	63	20	35
2015	175	325	25	71	15	36	15	31
2016	102	133	87	113	12	30	47	91
Tổng	839	1571	231	470	112	248	121	238
Tỷ lệ %	64%	62	18	19	9,2	10	10	9

Nguồn: Theo số liệu thống kê xét xử của Tòa án nhân dân Tối cao.

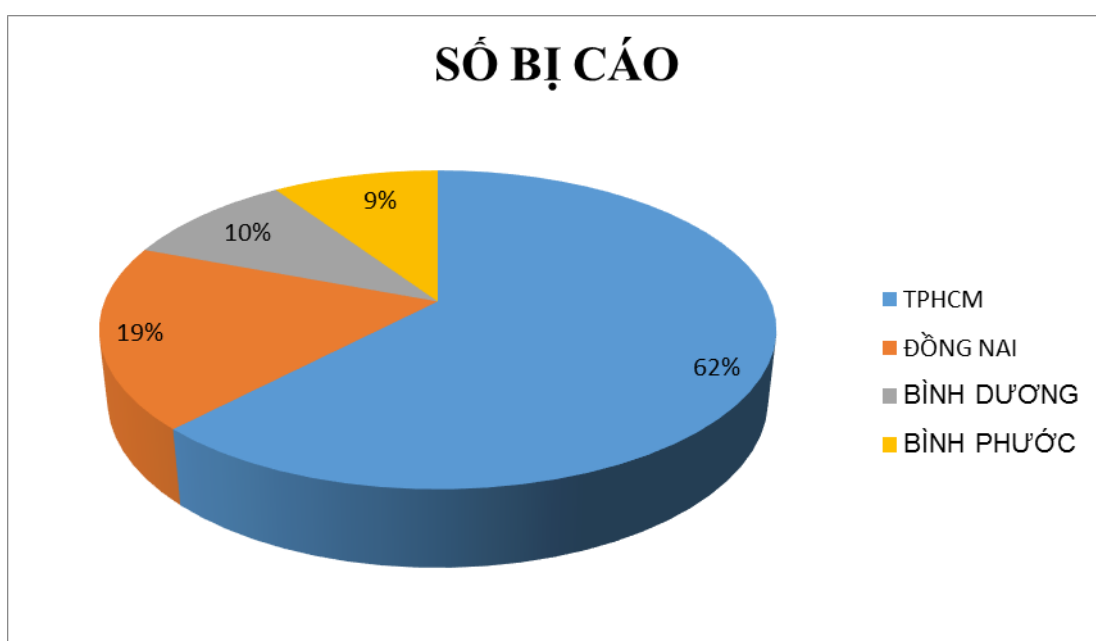
Biểu đồ hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh

Biểu đồ số 2.1: số vụ đã xét xử



Nguồn: Số liệu thống kê của TAND TP.HCM

Biểu đồ số 2.2: số bị cáo bị xét xử



Nguồn: Số liệu thống kê của TAND TP.HCM

Sở dĩ Thành phố Hồ Chí Minh có số vụ án giết người cao hơn các tỉnh khác do các nguyên nhân chủ yếu: Đây là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước

với các hoạt động kinh doanh, đầu tư đa dạng; dân số tập trung đông, số lượng người ngoài thành phố đến cư trú, tạm trú, nhiều trường hợp không khai báo với chính quyền địa phương nên khó kiểm soát. Đây cũng là nơi các băng nhóm giang hồ, bảo kê hoạt động mạnh hoặc bị các bang nhóm khác thanh toán nên đến Thành phố Hồ Chí Minh để lẫn trốn. Tỷ lệ tội phạm ở các vùng ven (các huyện ngoại thành) thành phố cao do quanh đây là các khu công nghiệp, khu chế xuất. Việc lẫn trốn sau khi gây án thuận lợi cả về đường hàng không, đường thủy, đường sắt và đường bộ.

2.1.3. Tính chất của tình hình tội phạm giết người tại TPHCM

Trong tổng số 220 vụ án giết người tác giả đã nghiên cứu, có 158 vụ người phạm tội có sự chuẩn bị từ trước (chiếm 75,5%). Việc nghiên cứu về các loại hung khí, chất độc mà người phạm tội chuẩn bị trong quá trình gây án, cho thấy:

* Chuẩn bị vũ khí nóng: 06 vụ, chiếm tỉ lệ 3% (Trong 06 vụ này có 02 vụ bị cáo sử dụng súng bắn điện làm nạn nhân bị tê liệt và ngay sau đó bị cáo dùng dao đâm nhiều nhát vào người nạn nhân, 04 vụ còn lại có nổ súng làm chết người hoặc không chết do ngoài ý muốn của bị cáo. Tòa án đã xét xử bằng các bản án như bản án số 504/2014/HS-ST ngày 26/12/2014, 42/2015/HS-ST ngày 28/01/2015, 501/2013/HS-ST ngày 19/12/2013, 385/2012/HS-ST ngày 21/11/2012);

* Chuẩn bị vũ khí lạnh (dao, lê, mã tấu, các loại khác bằng kim loại): 152 vụ, chiếm tỉ lệ 76,0%. Trong những vụ án này, có nhiều vụ án liên quan đến các đối tượng đồng tính (Bản án số 19/2014/HS-ST ngày 10/01/2014; 498/2014/HS-ST ngày 23/12/2015; 43/2015/HS-ST ngày 28/01/2015);

* Chuẩn bị axit, hóa chất độc: 02 vụ, chiếm tỉ lệ 1,0% (Bản án số 516/2013/HS-ST ngày 25/12/2013);

* Chuẩn bị các loại vũ khí khác: 40 vụ, chiếm tỉ lệ 20,0%. Nổi bật là vụ án Hồ Văn Hiếu cùng đồng phạm sử dụng súng điện bắn chó để bắn vào người nạn nhân làm nạn nhân té và chết (Bản án số 510/2014/HS-ST ngày 30/12/2014).

+ Thực hiện hành vi phạm tội: Kết quả nghiên cứu cho thấy hình thức thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng người khác trong vụ án giết người xảy ra trên địa bàn các tỉnh, thành phố phía Nam được thực hiện dưới dạng hành động: 220 vụ án, chiếm tỷ lệ 100%. Trong các vụ án này, có những bị cáo đã nhẫn tâm giết chết con của chính mình như vụ Nguyễn Ái Khanh (Bản án số 433/2014/HS-ST ngày 29/9/2014; Nguyễn Thị Hoài An (Bản án số 310/2015/HS-ST ngày 24/8/2015).

Việc phân tích phương tiện, công cụ được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội phạm giết người cho thấy: Sử dụng vũ khí nóng (như súng, lựu đạn, thuốc nổ...) có 6 vụ, chiếm tỉ lệ 3,0%; sử dụng các loại vũ khí lạnh (như dao, lê, mã tấu, côn, gậy...) có 152 vụ, chiếm tỉ lệ 76,0%; sử dụng các công cụ, phương tiện khác có 42 vụ, chiếm tỉ lệ 21,0%.

Trong số những vụ án giết người xảy ra mà người phạm tội có sử dụng vũ khí, số vụ tội phạm sử dụng vũ khí lạnh như dao, mã tấu, gậy, chiếm tỷ lệ cao 76,0%, còn các loại vũ khí khác nhất là vũ khí nóng: Súng quân dụng, súng tự chế, mìn tự tạo, lựu đạn chiếm tỉ lệ ít hơn (3,0%). Tuy nhiên những người phạm tội gây ra các loại án này đa phần là những tên lưu manh, những người phạm tội đã có tiền án tiền sự về các tội sử dụng bạo lực để gây án như: Cướp tài sản, cố ý gây thương tích, chống người thi hành công vụ... Tính chất nguy hiểm của loại tội phạm này còn thể hiện ở thủ đoạn rất manh động, nhiều khi giết một lúc nhiều người, người phạm tội gây án hoạt động có băng nhóm, gây án liên tục như những vụ án giết người do thanh trừng lẫn nhau, giết người cướp tài sản.

Thời gian gần đây xuất hiện một phương thức gây án mới của người phạm tội giết người là dùng bom thư, mìn tự tạo. Đây là một thủ đoạn hoàn toàn mới, nhằm tước đoạt tính mạng con người, đặc biệt là cán bộ Công an, Kiểm lâm, Thuế vụ hoặc cán bộ cơ sở có mâu thuẫn với người phạm tội. Chúng sử dụng mìn dưới dạng “bom thư” hoặc dưới dạng quà tặng để khi nạn nhân mở ra sẽ gây nổ, làm chết người. Có trường hợp người phạm tội còn đặt cả mìn vào nhà nạn nhân sau đó dùng dây cháy chậm nối dài ra ngoài, châm lửa để khi có vụ nổ người phạm tội không có mặt ở nơi đó nhằm che giấu hành động phạm tội của mình.

Tội phạm giết người xảy ra đã gây ra nhiều thiệt hại về tính mạng, tài sản cũng như những tổn hại khác về sức khỏe, tinh thần cho người bị hại, những người thân của họ.

- *Thứ nhất*, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe: Tội phạm giết người thường sử dụng phương tiện, công cụ phạm tội có khả năng gây sát thương rất cao như súng, mã tấu, dao sắc nhọn... tác động vào điểm yếu gây nguy hiểm đến tính mạng con người, như đâm vào ngực, bụng, chém vào đầu nạn nhân... gây ra những tổn thương nặng và tử vong ngay sau đó.

- *Thứ hai*, về thiệt hại về tài sản do tội phạm giết người cướp tài sản gây ra: Trong nhiều vụ án giết người, mục tiêu của tội phạm là cướp tài sản của nạn nhân. Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2011- 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra 108 vụ giết người cướp tài sản với hậu quả là:

+ Đồ trang sức như dây chuyền vàng, bạc, bạch kim, nhẫn, đồng hồ...: 87 sản phẩm. Trong đó, trong quá trình điều thông qua việc xác minh, thu thập tại các địa điểm mà thủ phạm tiêu thụ tài sản như tiệm cầm đồ, cửa hàng vàng là 40 sản phẩm các loại; thông qua hoạt động khám xét nơi ở, nơi làm

việc... của thủ phạm đã thu được 47 sản phẩm với số tiền thiệt hại theo giám định bước đầu là 457.045.000 đồng.

+ Điện thoại: 56 chiếc, trong đó hầu hết đã bị các đối tượng phạm tội tiêu thụ. Do điện thoại là sản phẩm dễ tìm được người mua bán, trao đổi nên các đối tượng đã nhanh chóng tẩu tán với số tiền thiệt hại theo ước tính là 245.000.000 đồng.

Ngoài ra, các đồ dùng khác như xe máy, ô tô, laptop... cũng là loại tài sản thường bị chiếm đoạt bởi hung thủ trong các vụ án giết người. Các thống kê cho thấy thiệt hại từ các loại tài sản này trong các vụ án giết người cướp tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh từ 2011 đến 2015 có giá trị khoảng 456.545.000 đồng.

Không những vậy, các loại giấy tờ tùy thân, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... là những giấy tờ không tính ra được tiền đã bị chiếm đoạt và tiêu hủy bởi các đối tượng phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Thứ ba*, về tính chất của tội phạm. Tội phạm giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu là phạm tội lần đầu, do một người thực hiện chiếm khoảng 55% tổng số vụ án giết người. Tuy nhiên, nhiều vụ án có thủ đoạn gây án rất tàn bạo, gây hoang mang, bức xúc cho người dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, ví dụ như vụ án Đặng Văn Tuấn giết người phân thành khúc xảy ra tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, vụ án Trần Nhật Duy giết người (bạn đồng tính), cướp tài sản xảy ra trên địa bàn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.4. Thực trạng ẩn của tình hình tội giết người trên địa bàn

TPHCM

2.1.4.1. Mức độ ẩn

Bảng 2.4. Tình hình khởi tố và xét xử về tội giết người tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Thời gian	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng
Số vụ giết người khởi tố	123	149	105	117	110	508
Số bị can phạm tội giết người bị khởi tố	136	174	109	148	149	716
Số vụ án giết người đưa ra xét xử	201	191	170	175	102	839
Số bị cáo phạm tội giết người bị xét xử	437	365	311	325	133	1.571

Nguồn: Số liệu thống kê của TANFD TPHCM

Năm 2012, tội giết người xảy ra đã phát hiện, điều tra, truy tố là 123 vụ với 136 bị can, trong khi đó Tòa án nhân dân xét xử 201 vụ án, với 437 bị cáo.

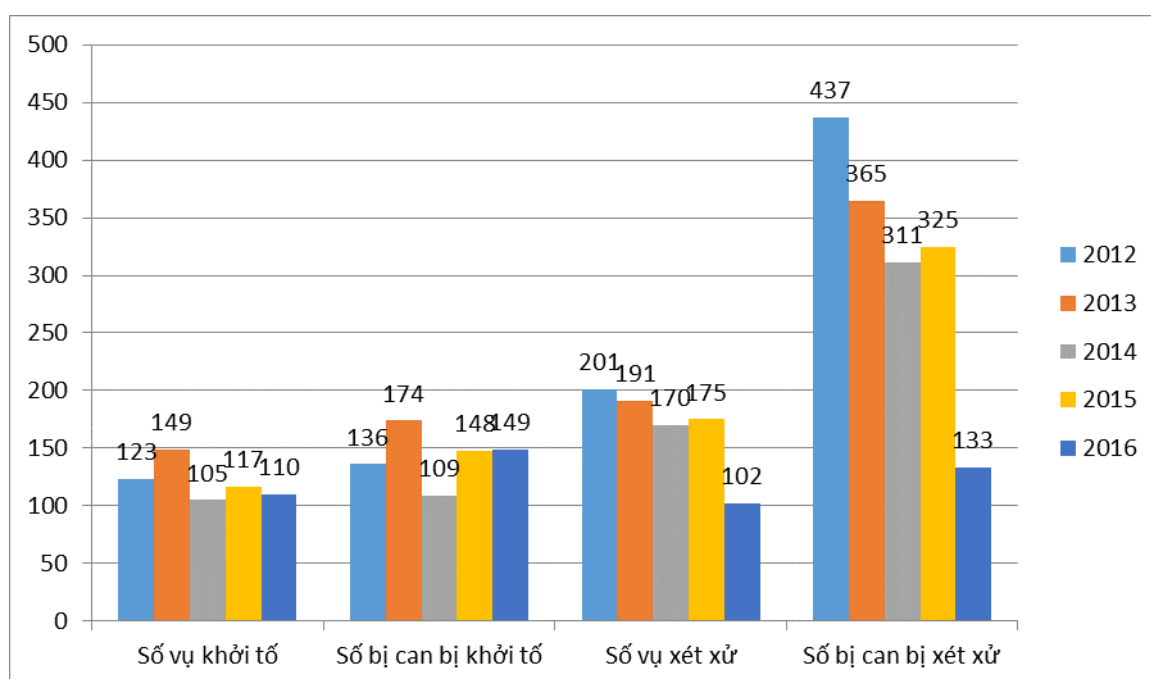
Năm 2013, tội giết người xảy ra đã phát hiện, điều tra, truy tố là 149 vụ với 174 bị can, trong khi đó Tòa án nhân dân xét xử 191 vụ án, với 365 bị cáo.

Năm 2014, tội giết người xảy ra đã phát hiện, điều tra, truy tố là 105 vụ với 109 bị can, trong khi đó Tòa án nhân dân xét xử 170 vụ án, với 311 bị cáo.

Năm 2015, tội giết người xảy ra đã phát hiện, điều tra, truy tố là 117 vụ với 148 bị can, trong khi đó Tòa án nhân dân xét xử 175 vụ án, với 325 bị cáo.

Năm 2016, tội giết người xảy ra đã phát hiện, điều tra, truy tố là 110 vụ với 149 bị can, trong khi đó Tòa án nhân dân xét xử 102 vụ án, với 133 bị cáo.

Biểu đồ số 2.3: Tình hình về khởi tố và xét xử tội giết người trên địa bàn TPHCM 2012-2016



Tổng cộng sau 05 năm từ năm 2012 đến năm 2016, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra 47.277 vụ án hình sự, với 47.661 bị can. Trong đó, có 665 vụ án giết người, với 783 bị can chiếm 1,5% số vụ và 1,6% số bị can.

Giữa số liệu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực tế đã xét xử trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2015 cao hơn số liệu điều tra, truy tố do có nhiều nguyên nhân, trong đó có nhiều vụ án giết người xảy ra, cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án nhưng sau khi hết thời hạn điều tra vẫn

không xác định được người thực hiện tội phạm nên đình chỉ điều tra hay đình chỉ điều tra do bị can chết; một số vụ án bị Tòa án trả điều tra bổ sung để làm rõ các dấu hiệu của tội phạm; nhiều vụ án đã thụ lý cũ, nay mới được đưa ra xét xử.

2.1.4.2. Nguyên nhân ẩn của tội giết người

Các cơ quan có thẩm quyền khởi tố, tiến hành hoạt động điều tra vụ án hình sự không nhận được tố giác của công dân (từ phía nạn nhân, những người khác biết tội phạm xảy ra nhưng không tố giác) và tin báo của cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nghĩa là, cơ quan chức năng không có thông tin về tội phạm xuất phát từ các nguyên nhân trên.

- Người phạm tội không tự thú;
- Các cơ quan được pháp luật quy định giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Hải quan, Kiểm lâm... trong quá trình giải quyết vụ án hình sự theo thủ tục tố tụng hình sự đã không khởi tố vụ án, đình chỉ (theo yêu cầu bị hại, do bị cáo chết, thay đổi trong quy định của pháp luật hình sự) hoặc tạm đình chỉ vụ án rồi không phục hồi điều tra. Người tiến hành tố tụng e ngại oan sai, phải chịu trách nhiệm bồi thường và ảnh hưởng đến địa vị nên họ không khởi tố vụ án nếu bản thân cảm thấy không chắc chắn về chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự nên dễ bỏ lọt tội phạm. Đối với trường hợp có nhiều người thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án nhưng chỉ có một vài bị can, bị cáo bị xử lý mà còn những bị can, bị cáo và hành vi phạm tội khác chưa bị phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thụ động trong việc phát hiện, điều tra tội phạm giết người cũng như chuyên môn nghiệp vụ của Điều tra viên chưa cao.

2.2. Thực trạng nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

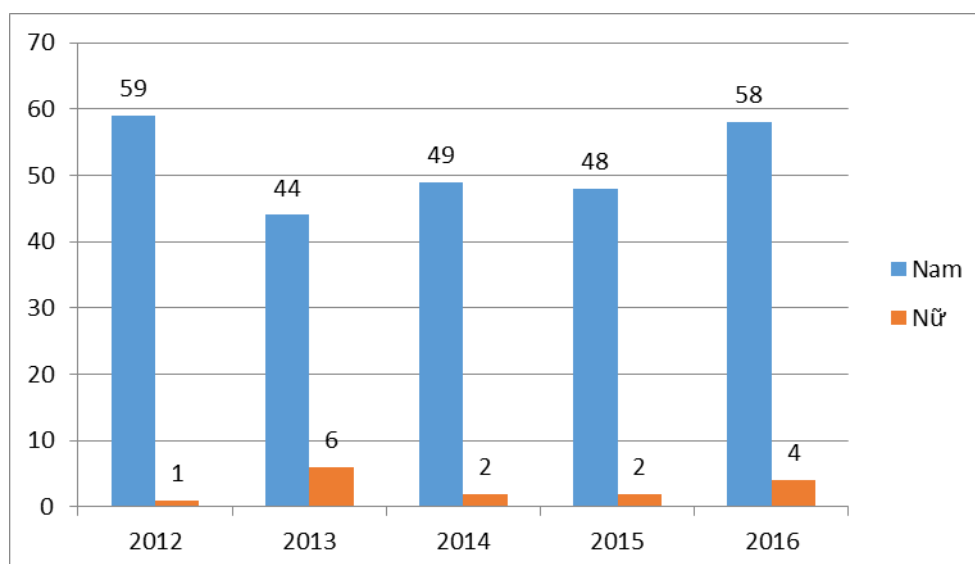
2.2.1. Đặc điểm về giới tính

Bảng 2.5. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về giới tính

Năm	Số bị cáo	Giới tính			
		Nam	Tỷ lệ %	Nữ	Tỷ lệ %
2012	60	59	98,3	01	1,7
2013	50	44	88	06	12
2014	51	49	96,1	02	3,9
2015	50	48	96	02	4
2016	62	58	93	04	6,5
Tổng	273	258	94,5	15	5,5

Nguồn: 220 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

Biểu đồ 2.4: Tỷ lệ người phạm tội theo giới tính (Nam, Nữ)



Nguồn: 220 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

*Nam giới chiếm đa số, chiếm 94%

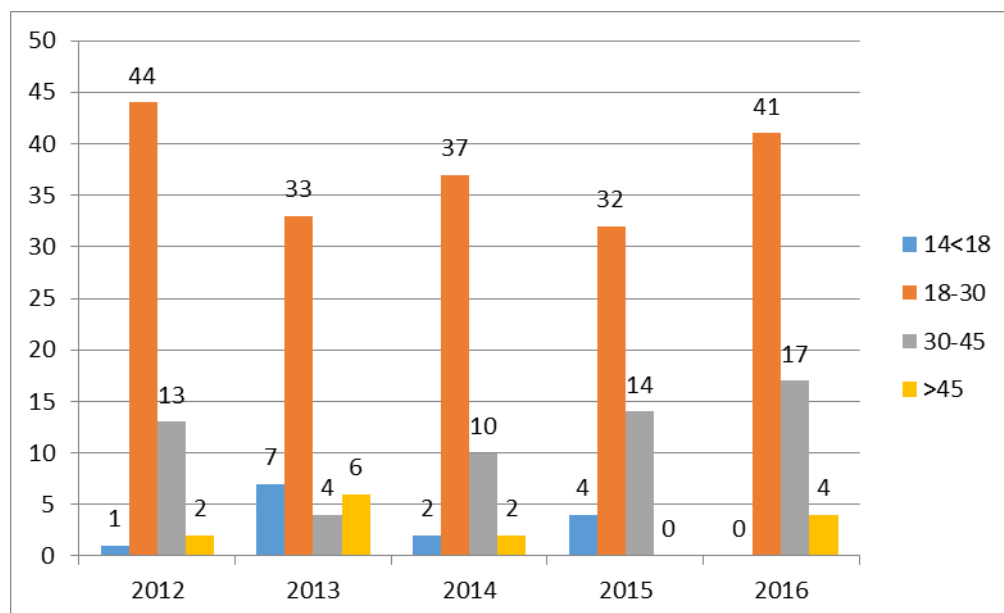
2.2.2. Đặc điểm lứa tuổi của người phạm tội

Bảng 2.6. Cơ cấu xét theo lứa tuổi

Năm	Số bị cáo	Độ tuổi							
		Từ 14 đến dưới 18	Tỷ lệ %	Từ 18 đến 30	Tỷ lệ %	Từ 30 đến 45	Tỷ lệ %	Trên 45	Tỷ lệ %
2012	60	01	1,7	44	73,3	13	21,7	02	3,3
2013	50	07	14	33	66	04	8	06	12
2014	51	02	3,9	37	72,5	10	19,7	02	3,9
2015	50	04	8	32	64	14	28	00	00
2016	62	0	0	41	66,1	17	27,4	04	6,5
Tổng	273	14	5.1	187	68,5	58	21,2	14	5,1

Nguồn; 220 bản án sơ thẩm của TAND TPHCM từ 2012 đến 2016

Biểu đồ số 2.5: Cơ cấu về độ tuổi người phạm tội giết người



Nguồn: 220 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

- * Dưới 18 tuổi có: 14 bị cáo, chiếm tỉ lệ 5,1%;
- * Từ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi có: 187 bị cáo, chiếm tỉ lệ 68,5%;
- * Từ 30 đến dưới 45 tuổi có: 58 bị cáo, chiếm tỉ lệ 21,2%;
- * Trên 45 tuổi có: 14 bị cáo, chiếm tỉ lệ 5,1%.

Qua số liệu trên, nhận thấy tỷ lệ người phạm tội giết người là thanh niên và người trung niên chiếm tỷ lệ cao nhất, đặc biệt là lứa tuổi từ 18 đến dưới 30 tuổi. Đây là thời điểm bắt đầu trưởng thành của con người về mọi mặt, tiếp xúc với môi trường xã hội nơi học tập, làm việc, lao động và đa số là đã rời gia đình để thực hiện các mong muốn cho tương lai, ít được sự quan tâm của cha mẹ, người thân.

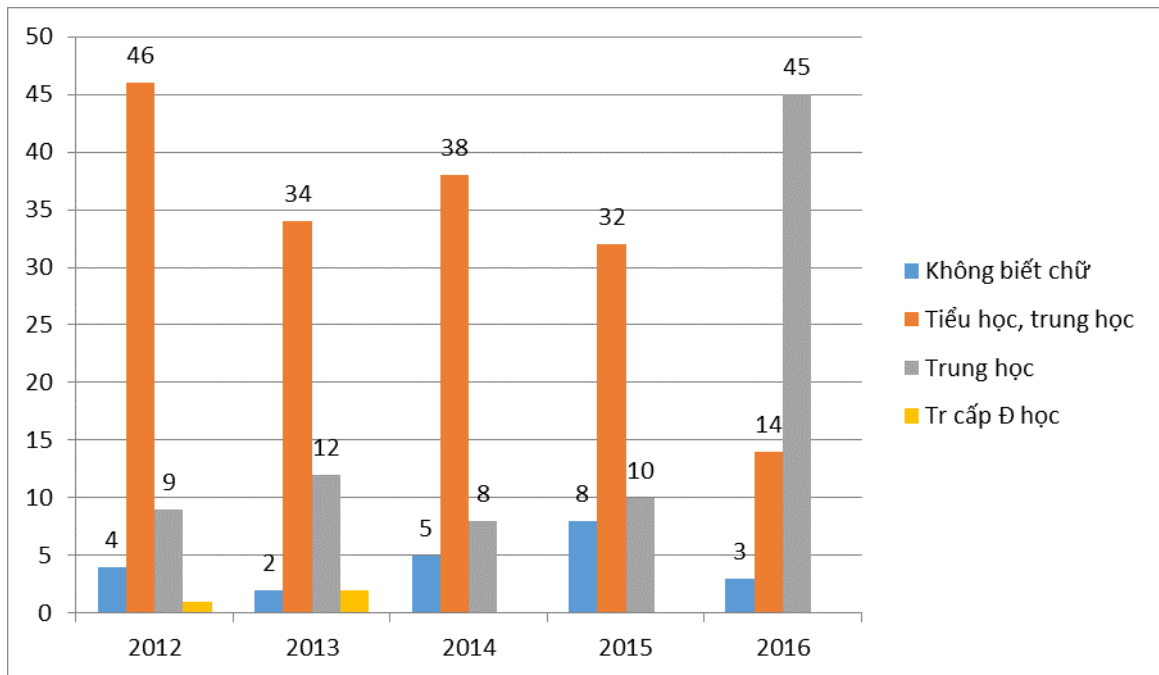
2.2.3. Cơ cấu về trình độ học vấn

Bảng 2.7. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về trình độ học vấn

Năm	Số bị cáo	Trình độ học vấn			
		Không biết chữ	Tiểu học, Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trung cấp, cao đẳng, đại học
2012	60	04	46	09	01
2013	50	02	34	12	02
2014	51	05	38	08	00
2015	50	08	32	10	00
2016	62	03	14	45	00
Tổng	273	22	164	84	03
Tỷ lệ %	100	8,05	60,07	30,8	1,1

Nguồn: 220 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

Biểu đồ số 2.6: Cơ cấu theo trình độ học vấn



Nguồn: 220 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

- * Mù chữ có 22 bị cáo, chiếm tỉ lệ 8,05%;
- * Trình độ tiểu học có 164 bị cáo, chiếm tỉ lệ 60,07%;
- * Trình độ phổ thông cơ sở và phổ thông trung học có 84 bị cáo, chiếm tỉ lệ 30,8%;
- * Trình độ trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học có 03 bị cáo, chiếm tỉ lệ 1,1%.

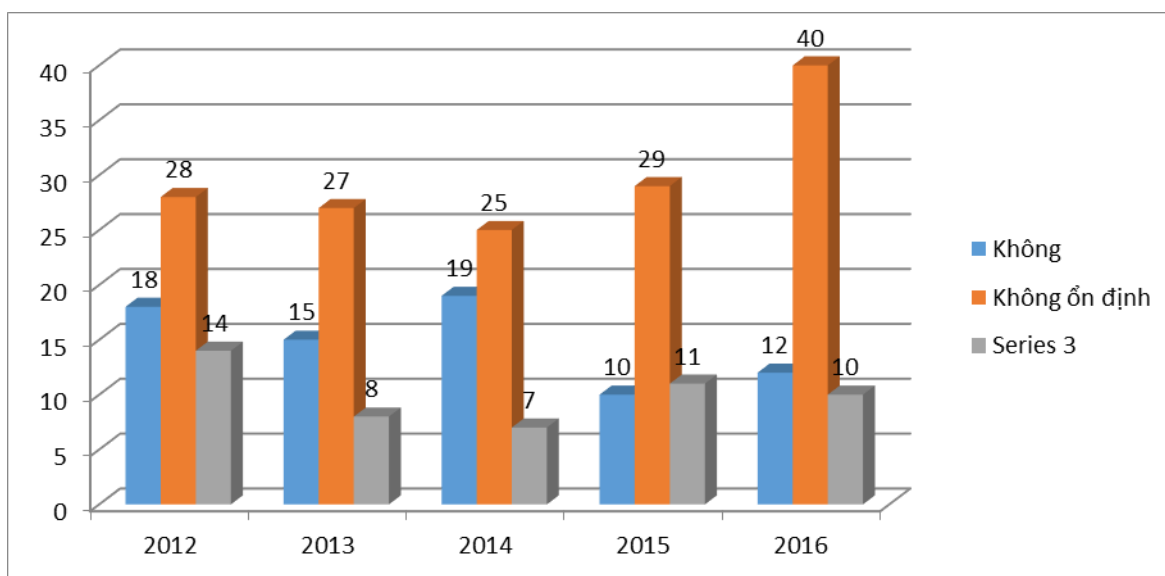
2.2.4. Cơ cấu theo nghề nghiệp

Bảng 2.8 Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội theo nghề nghiệp

Năm	Số bị cáo	Nghề nghiệp		
		Không	Không ổn định	Ổn định
2012	60	18	28	14
2013	50	15	27	08
2014	51	19	25	07
2015	50	10	29	11
2016	62	12	40	10
Tổng	273	74	149	50
Tỷ lệ %	100	27,1	54,6	18,3

Nguồn: 220 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

Biểu đồ số 2.7: Cơ cấu về đặc điểm nhân thân của người phạm tội giết người theo nghề nghiệp



Nguồn: 220 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

- * Có nghề nghiệp ổn định: 50 bị cáo, chiếm tỉ lệ 18,3%;
- * Có nghề nghiệp nhưng không ổn định: 149 bị cáo, chiếm tỉ lệ 54,6%;
- * Không có nghề nghiệp: 74 bị cáo, chiếm tỉ lệ 27,1%.

+ Nơi cư trú của người phạm tội:

* Có hộ khẩu thường trú tại TPHCM: 116 bị cáo, chiếm tỉ lệ 42,4%;

* Không có hộ khẩu thường trú tại tphcm: 157 bị cáo, chiếm tỉ lệ 57,6%.

+ Về tiền án, tiền sự: Trong số 273 người phạm tội giết người, số người phạm tội lần đầu là 235 người, chiếm tỉ lệ 88,4%; số người đã từng có tiền án, tiền sự chưa được xóa án tích là 31 người, chiếm tỉ lệ 11,6%.

Như vậy, trong số người phạm tội giết người mà tác giả nghiên cứu, đa số là nam giới (chiếm tỉ lệ 94,7%) và chủ yếu trong lứa tuổi thanh niên (chiếm tỉ lệ 67,7%); số người phạm tội có trình độ học vấn tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông chiếm đa số (chiếm tỉ lệ 98,4%), chủ yếu là những người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định (chiếm tỉ lệ 78,2%); đa số chưa có tiền án, tiền sự (chiếm tỉ lệ 88,84%) và có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh, thành phố xảy ra vụ án (chiếm tỉ lệ 56,4%).

2.2.5. Cơ cấu về dân tộc, tôn giáo và quốc tịch

Bảng 2.9 Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về dân tộc, tôn giáo và quốc tịch

Năm	Số bị cáo	Dân tộc		Tôn giáo				Quốc tịch	
		Kinh	Ít người	Không	Phật	Thiên chúa	Khác	Việt Nam	Khác
2012	60	58	02	53	03	04	00	60	00
2013	50	49	01	47	01	02	00	50	00
2014	51	50	01	49	01	01	00	51	00
2015	50	49	01	47	01	02	00	50	00
2016	62	55	7	57	02	03	00	62	00
Tổng	273	261	12	253	08	12	00	273	00
100	95,6	4,3	92,7	2,93	4,4	00	100	00	

Nguồn: 200 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2011 đến năm 2015.

Người phạm tội là dân tộc Kinh có 261 bị cáo, chiếm tỷ lệ 95,6%; người dân tộc thiểu số là 12 bị cáo, chiếm tỷ lệ 4,3%.

Về tôn giáo: Có 253 bị cáo không có tôn giáo, chiếm 92,8%; Phật giáo có 08 bị cáo, chiếm 2.93%; Thiên chúa giáo có 12 bị cáo, chiếm 4,4%.

Trong tổng số 273 bị cáo đã xét xử, 100% người phạm tội là người có quốc tịch Việt Nam.

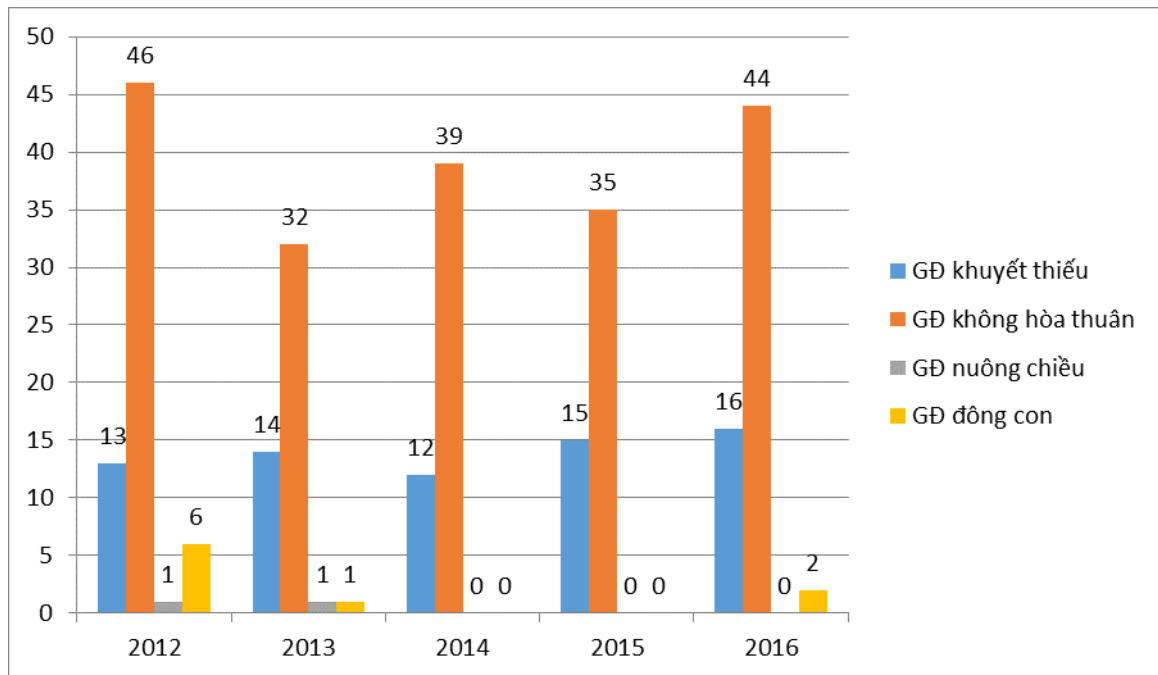
2.2.6. Hoàn cảnh gia đình của người phạm tội:

Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội về hoàn cảnh gia đình

Năm	Số bị cáo	Hoàn cảnh gia đình			
		Gia đình khuyết thiếu	Gia đình không hòa thuận, thiếu quan tâm	Gia đình nuông chiều con cái	Gia đình đông con
2012	60	13	46	01	06
2013	50	14	32	01	01
2014	51	12	39	00	00
2015	50	15	35	00	00
2016	62	16	44	00	02
Tổng	273	70	196	02	10
Tỷ lệ %	100	23,7	70,7	0,7	4,9

Nguồn 220 bản án sơ thẩm của TAND TPHCM (2012-2016)

Biểu đồ số 2.8: Cơ cấu theo hoàn cảnh gia đình



Nguồn: 220 Bản án Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

Trong 273 bị cáo, số bị cáo mồ côi cha mẹ hoặc chỉ còn cha hoặc mẹ có 70 người, chiếm tỷ lệ 23,7%; bị cáo thuộc diện gia đình không hòa thuận, thiếu sự quan tâm, giáo dục con cái là 188 người, chiếm tỷ lệ 70,7%; bị cáo thuộc diện gia đình nuông chiều con cái là 02 người, chiếm 0,7% và thuộc diện gia đình đồng con là 13 người, chiếm 4,9%. Như vậy, người phạm tội chủ yếu là do thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ, người thân và không có nơi cư trú ổn định.

Đánh giá chung Tổng quát lại, từ phân tích các số liệu và các biểu đồ đã nêu trên, có thể nhận thấy các đặc điểm đặc trưng thuộc nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn TPHCM bao gồm:

- 1. Gia đình không hòa thuận**
- 2. Trình độ học vấn không cao, chủ yếu mức Tiểu học và Trung học cơ sở**

3. Nghề nghiệp không ổn định

4. Độ tuổi từ 18-30

5. Phần lớn là nam giới

2.3. Thực trạng những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn TPHCM

2.3.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

2.3.1.1. Môi trường gia đình

Nghiên cứu cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về hoàn cảnh gia đình, tình trạng hôn nhân đối với 273 bị cáo phạm tội giết người trong 220 bản án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến 2016, cho thấy:

- Đa số những người phạm tội giết người xuất thân từ những gia đình không hòa thuận, thường hay cãi vã, xô xát với nhau khi gặp phải những mâu thuẫn trong cuộc sống chung (196 bị cáo, chiếm 70.7%). Và gia đình khuyết thiếu (63 bị cáo, chiếm 23,3%) (**Biểu đồ số 5**). Gia đình là môi trường rất quan trọng đối với sự phát triển và định hình nhân cách con người, là nơi cung cấp những cơ sở dữ liệu ban đầu để định hướng và điều chỉnh hành vi con người; hoàn cảnh gia đình khuyết thiếu và không hòa thuận sẽ cung cấp những dữ liệu lỗi dẫn tới tư duy và hành động lệch lạc

2.3.1.2. Môi trường giáo dục

Bên cạnh gia đình, nhà trường là môi trường quan trọng thứ hai cho sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân. Nhà trường không chỉ dạy kiến thức, dạy kỹ năng mà nhà trường còn truyền đạt những giá trị của xã hội, đề cao lối sống chủ đạo của xã hội. Tuy nhiên hiện nay môi trường giáo dục tại TPHCM cũng như cả nước thực sự còn tồn tại nhiều vấn đề ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng giáo dục ví dụ như: cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy đều không theo kịp với nhu cầu

thực tế và định hướng phát triển của xã hội, quản lý lỏng lẻo, không có hoặc có nhưng không đạt hiệu quả về sự phối hợp với gia đình trong việc giáo dục trẻ

2.3.1.3. Môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội vĩ mô

Ngoài gia đình và nhà trường thì xã hội là môi trường mà con người phụ thuộc và chịu nhiều tác động nhất. Hiện nay với tốc độ phát triển của công nghệ thông tin nên các loại hình văn hóa độc hại dễ dàng tiếp cận với con người mà nhất là trẻ em, sự quản lý thiếu chặt chẽ đã dẫn tới các em tiếp xúc với các loại hình văn hóa độc hại, bạo lực và gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự hình thành nhân cách các em

2.3.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội

2.3.2.1. Sai lệch về sở thích, đạo đức, lối sống

Nghiên cứu 273 bị cáo cho thấy, từ những sở thích lệch lạc như tụ tập bạn bè xấu, ăn chơi, uống rượu, nghiện ma túy, nghiện games, cờ bạc là những nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc các bị cáo phạm tội giết người.

2.3.2.2. Sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu

Qua nghiên cứu 220 vụ án với 273 bị cáo đã cho thấy: số bị cáo phạm tội giết người nhằm mục đích cướp tài sản, kiếm tiền để thỏa mãn nhu cầu không nhiều, chỉ chiếm 7.4% trong tổng số vụ án được nghiên cứu. Do tác động của nền kinh tế thị trường, một số người có tư tưởng thực dụng, coi trọng vật chất, hưởng thụ, sống buông thả... Nhưng bản thân các bị cáo thường có trình độ học vấn thấp, công việc không ổn định, thu nhập không đủ để thỏa mãn nhu cầu của mình. Một số đối tượng đã lựa chọn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân.

2.3.2.3. Trí tuệ, khả năng kiểm chế và kiểm soát hành vi

Số liệu trong phần cơ cấu về trình độ học vấn nêu trên đã phản ánh một thực trạng rằng phần lớn các đối tượng phạm tội giết người có trình độ học

vấn thấp, vì vậy ở họ khả năng nhận biết và đánh giá các tình huống xảy ra rất hạn chế nên khi xảy ra mâu thuẫn thì khả năng kiềm chế bản thân không tốt, lựa chọn cách xử sự không hợp lý nên dễ dẫn đến hành vi giết người. Qua một số vụ án cho thấy, do có trình độ học vấn thấp lại không có nghề nghiệp cùng với các đặc điểm nhân thân xấu như lòng tham, muốn có tiền một cách dễ dàng, lười lao động nên một số bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu của mình và khi bị phát hiện thì đã thực hiện hành vi giết người

Ngoài ra, nghiên cứu cơ cấu về độ tuổi và giới tính cũng cho thấy: Phần lớn các đối tượng phạm tội giết người đa số ở độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi. Người từ 18 đến 30 tuổi là những người đã dần hoàn thiện về mặt tâm – sinh lý, nhưng lứa tuổi này đang trong giai đoạn định hướng nghề nghiệp, tạo lập gia đình, cuộc sống nên rất dễ bị môi trường sống tác động. Từ 30 tuổi trở lên là những người đã có suy nghĩ và hành động cân trọng, kinh tế, nghề nghiệp và gia đình ổn định, có khả năng phân tích và đánh giá các yếu tố từ môi trường sống nên ít bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tiêu cực hơn so với nhóm lứa tuổi khác. Dưới 18 tuổi là lứa tuổi phát triển chưa đầy đủ về mặt tâm – sinh lý, khả năng phân tích và đánh giá còn hạn chế nên rất dễ bị ảnh hưởng bởi những yếu tố xấu từ môi trường. Tuy nhiên, người phạm tội giết người có độ tuổi dưới 18 tuổi phần lớn là do không có sự quan tâm, nuôi dưỡng của gia đình, sống trong gia đình khuyết thiếu, hay bị bạn bè rủ rê đánh nhau mà dẫn vào con đường phạm tội.

Trong tổng số 273 bị cáo phạm tội giết người, có 258 bị cáo là nam và chỉ có 15 bị cáo là nữ. Điều này cho thấy nam giới có khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi của bản thân kém hơn nữ giới nên dễ bị tác động bởi những yếu tố tiêu cực của môi trường sống, dễ phát sinh tâm lý tiêu cực hơn nữ. Đồng thời nam giới thường hay sử dụng vũ lực hơn nữ giới, cộng với việc

nam giới hay tham gia vào các hoạt động như cờ bạc, rượu chè, tụ tập nên khả năng phát sinh mâu thuẫn và phạm tội cao hơn nữ giới.

2.3.2.4. Những hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân

Qua nghiên cứu 220 bản án cho thấy: Tuy các bị cáo có trình độ học vấn khá thấp nhưng hầu hết các bị cáo đều biết hành vi xâm phạm đến tính mạng của người khác là hành vi vi phạm pháp luật rất nghiêm trọng, hầu hết các vụ án giết người mang tính bộc phát và hầu hết các bị cáo ra cơ quan công an đầu thú sau khi gây án. Chỉ có một bộ phận các bị cáo có thái độ thờ ơ, coi thường pháp luật, có xu hướng chống đối pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật, một số người tin vào khả năng trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật hoặc họ hy vọng rằng hành vi phạm tội của mình không bị phát hiện

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM GIẾT NGƯỜI TẠI TPHCM TỪ GÓC ĐỘ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI

3.1. Dự báo về tình hình tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Cơ sở xây dựng dự báo

Trong những năm sắp tới, tình hình kinh tế, xã hội trên địa bàn cả nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng sẽ tiếp tục có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, nhất là khi chúng ta đang trên đường hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, được đánh dấu bằng sự kiện Việt Nam gia nhập AFTA và WTO. Đất nước ta vẫn tiếp tục đường lối đổi mới, mở cửa phát triển kinh tế, mở rộng quan hệ đối ngoại với phương châm. Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sẽ xuất hiện nhiều hơn các khu công nghiệp, khu đô thị mới sầm uất, cơ sở vật chất kỹ thuật sẽ đạt được những bước tiến dài, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh đó, nhiều vấn đề chính trị, xã hội là nguyên nhân, điều kiện phát sinh, phát triển của các loại tội phạm, trong đó có tội phạm giết người vẫn còn tồn tại và là vấn đề đặt ra cần phải giải quyết.

Sự phân hoá giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị, giữa các cộng đồng dân cư ở các vùng khác nhau ngày càng sâu sắc. Tình trạng hộ nghèo ở địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn. Tình trạng thiếu việc làm hoặc có việc làm nhưng thu nhập thấp không đáp ứng được nhu cầu cuộc sống trong tầng lớp thanh thiếu niên vẫn còn nhiều, dẫn đến tình trạng có một số người do bị kích động bởi cuộc sống vật chất hiện tại, có thể sẽ đi vào con đường phạm tội.

Mức độ đô thị hoá ở địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang diễn ra với tốc độ tương đối nhanh, các doanh nghiệp, xí nghiệp, các khu công nghiệp được xây dựng nhiều, nhưng tỷ lệ gia tăng dân số cũng ở mức cao (1,59%

năm 2013). Bình quân một năm dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tăng khoảng 0,7 đến 0,8 triệu người. Trong khi đó về chiến lược tạo việc làm là: Vào năm 2014, trung bình hàng năm bố trí được 0,6 triệu việc làm. Điều này có nghĩa là vẫn còn lao động dư thừa. Hơn nữa, trong những năm tới, do yêu cầu phát triển công nghiệp kỹ thuật cao phải đòi hỏi lao động có trình độ tay nghề nên số người mất việc làm, thất nghiệp sẽ gia tăng. Đây tiếp tục là “nguồn” bổ sung cho các loại tội phạm vì sẽ có không ít người bị lôi kéo, dụ dỗ hoặc tự mình đi vào con đường phạm tội trong đó có tội giết người.

Tình trạng doanh nghiệp nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để xây dựng các nhà máy, khu công nghiệp sẽ phát sinh vấn đề bồi thường đất đai, hoa màu cho những người làm nông nghiệp. Vì vậy, sẽ phát sinh các mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai ở nông thôn. Đây chính là một trong những yếu tố trực tiếp làm nảy sinh mâu thuẫn trong nhân dân, có nguy cơ làm phức tạp thêm tình hình tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội.

Hơn nữa, sự giao lưu quốc tế về các mặt văn hóa thông tin ngày càng mở rộng, cùng với những yếu tố tích cực của sự kiện này là các văn hoá phẩm có nội dung xấu, những loại phim ảnh có nội dung bạo lực hay kích thích tình dục sẽ lợi dụng tràn vào. Những loại văn hóa phẩm này nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ làm phát sinh thêm các loại tệ nạn như lạm dụng tình dục, cờ bạc sát phạt lẫn nhau, uống rượu cùng với thói quen thích sử dụng bạo lực, ưa cảm giác mạnh, dẫn đến tình trạng gia tăng tình hình tội phạm giết người, nhất là trong tầng lớp trẻ.

Thời gian gần đây trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh xuất hiện nhiều băng nhóm tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”, “đâm thuê”, “chém mướn”, bảo kê nhà hàng, đòi nợ thuê... Số băng nhóm này ta chưa triệt phá hết, vẫn hoạt động bất chấp pháp luật và gây ra những vụ án giết người để che giấu hay nhằm thực hiện tội phạm khác rất nghiêm trọng. Bên cạnh đó,

một số người thuộc tầng lớp buôn bán, lao động dịch vụ ngoài xã hội còn rất hạn chế về kiến thức pháp luật, vì thế trong quá trình làm ăn sinh sống, khi gặp phải những tình huống xung đột họ không biết cách giải quyết theo những qui tắc của pháp luật. Thêm vào đó là thói côn đồ, “chợ búa” cho nên họ tự giải quyết với nhau bằng “luật rừng” kể cả giết người; đặc biệt là, tình trạng tội phạm giết người do mâu thuẫn cá nhân, tình ái đang gia tăng, một số vụ đặc biệt nghiêm trọng, giết nhiều người trong gia đình như vụ án giết nhiều người ở Bình Phước, Nghệ An trong tháng 7/2015 gây chấn động dư luận. Đây cũng là diễn biến mới của tội phạm giết người cần phải được nghiên cứu để phòng, chống.

3.1.2. Nội dung dự báo

Từ việc phân tích các yếu tố tác động trên, có thể đưa ra các dự báo như sau:

- *Về diễn biến của tội giết người.*

Đối với những vụ án giết người do mâu thuẫn thù tức kéo dài trong nội bộ quần chúng nhân dân như: Mâu thuẫn do tranh chấp đất đai, mâu thuẫn trong làm ăn buôn bán... sẽ không giảm;

Số vụ án giết người cướp tài sản, giết người thuê, giết người do mâu thuẫn mang tính bộc phát... có khả năng xảy ra nhiều hơn. Đây là hậu quả của việc quản lý các loại văn hoá phẩm còn bị hạn chế cộng với tình trạng thiếu việc làm trong số thanh thiếu niên, người phạm tội cần tiền để tham gia hoạt động tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nghiện các chất ma túy ngày càng nhiều;

Số người phạm tội là loại có nhiều tiền án, tiền sự hoạt động có tổ chức, sử dụng vũ khí nóng, vũ khí nguy hiểm để gây án có chiều hướng tăng lên. Do đó có khả năng những vụ án giết người theo kiểu thanh toán lẫn nhau giữa các băng nhóm tội phạm, giết người thuê, giết người cướp tài sản... sẽ xảy ra nhiều hơn.

- Về địa bàn gây án:

Tội phạm giết người chủ yếu vẫn xảy ra ở các khu dân cư lao động, khu vực vui chơi giải trí, địa bàn công cộng, trên đường phố... Tuy nhiên trong thời gian tới, tội phạm giết người xảy ra ở các khu vực nông thôn, đồng bằng sẽ diễn biến phức tạp hơn do việc mở rộng đô thị, chủ trương xây dựng các khu công nghiệp, phát triển giao thông.

Tại các địa bàn tập trung đông người như các quán bia, quán rượu nơi thường xảy ra các hoạt động “ăn nhậu”. Rất có thể sẽ phát sinh nhiều vụ án giết người do va chạm có tính chất tình huống, mâu thuẫn bộc phát giữa các đối tượng là thanh thiếu niên. Khi có chút hơi men trong người, các đối tượng thường khó kiểm soát hành vi của mình và thường sẽ giải quyết mâu thuẫn bằng ẩu đả, đánh lộn.

- Về người phạm tội:

Đa số thuộc nhóm những người lao động chân tay, số thanh thiếu niên có trình độ học vấn thấp. Người phạm tội gây ra vụ án giết người là nông dân, công nhân vẫn chiếm tỷ lệ cao. Cũng cần lưu ý nhiều đến những đối tượng nghiện chơi game có tính chất bạo lực, những đối tượng nghiện ma túy.

- Về nạn nhân của tội giết người:

Là những người thành niên, không nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, đa số là người chưa có tiền án tiền sự và không có mối quan hệ với người phạm tội từ trước. Ví dụ như những trường hợp nạn nhân là người chạy xe ôm, lái xe taxi.

- Về thủ đoạn giết người:

Thủ đoạn giết người sẽ không mới, nhưng các vụ án giết người dã man, giết một lúc nhiều người, sử dụng các loại vũ khí nóng, vũ khí nguy hiểm, sử dụng các loại chất độc để giết người sẽ xuất hiện ngày càng nhiều. Bên cạnh

đó những vụ án giết người do trầm cảm, giết người không rõ nguyên nhân cũng sẽ xuất hiện và làm phức tạp thêm tình hình.

3.2. Các giải pháp phòng ngừa tội phạm giết người trên địa bàn TPHCM từ góc độ nhân thân người phạm tội

Như đã nêu ở phần lý luận về nhân thân người phạm tội, học thuyết về Tư duy loài người của Attkinson và Shiffrin đã cho rằng tất cả các hành vi của con người đều được điều khiển bởi não bộ con người thông qua 3 bộ phận cấu thành của não bộ là Tư duy giác quan, Tư duy làm việc và Tư duy lưu trữ. Trong đó Tư duy giác quan là nơi tiếp nhận thông tin từ môi trường thông qua cơ chế kích thích và lặp lại, Tư duy làm việc là nơi phân tích và xử lý thông tin từ Tư duy giác quan chuyển qua theo cơ chế lặp lại sau đó chuyển qua Tư duy lưu trữ, Tư duy lưu trữ là nơi lưu trữ cơ sở dữ liệu về điều khiển hành vi và các thông tin mà con người. Do vậy, để phòng ngừa tội phạm nói chung và giết người nói riêng hiệu quả nhất là đưa ra các giải pháp ngăn chặn việc tạo nên cơ sở dữ liệu để điều khiển hành vi phạm tội tại não bộ con người, cụ thể như sau.

3.2.1. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của con người. Nhân cách của con người được hình thành qua một quá trình giáo dục từ gia đình đến nhà trường và xã hội, trong đó vai trò của gia đình là vô cùng quan trọng vì gia đình là cái nôi văn hóa đầu tiên hình thành nhân cách con người. Vì vậy, để phòng ngừa tội phạm nói chung và các loại tội giết người nói riêng cần thực hiện các giải pháp khắc phục, hạn chế và loại trừ các nguyên nhân làm phát sinh các đặc điểm nhân thân xấu từ phía gia đình như:

Thứ nhất, bản thân cha mẹ và những thành viên khác trong gia đình cần phải nỗ lực tạo ra môi trường tích cực cho trẻ: Xây dựng nếp sống hòa thuận,

gắn bó, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình để giúp trẻ luôn có cảm giác bình yên, dễ chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình; xây dựng lối sống lành mạnh, biết kính trên nhường dưới, lễ phép, gia đình không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật và bạo lực thì trẻ không bị mất phương hướng, phát triển lệch chuẩn; xây dựng nếp sống văn hóa trong gia đình như văn hóa lao động, văn hóa sinh hoạt, văn hóa tiêu dùng, văn hóa giao tiếp; có phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, khí chất, trí tuệ, năng khiếu... của mỗi đứa trẻ để chúng tự tin bộc lộ hết khả năng của mình.

Thứ hai, cần phải đổi mới căn bản hoạt động, công tác tuyên truyền, giáo dục để gia đình và mỗi thành viên trong gia đình hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình. Cụ thể là: Nội dung chủ yếu cần phải tuyên truyền Luật hôn nhân và gia đình, Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia; hình thức tuyên truyền phải được đổi mới như mở các lớp hướng dẫn kỹ năng làm cha làm mẹ, cử các tuyên truyền viên giúp đỡ các em cá biệt, thông qua các kênh (báo, đài, truyền hình, các cuộc họp khu phố...).

Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nề nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau, chú trọng nêu gương người tốt, việc tốt, đồng thời phê phán những biểu hiện không đúng trong việc xây dựng gia đình và những biểu hiện không lành mạnh ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình.

Cần đẩy mạnh hơn nữa các giải pháp chống bạo lực gia đình, nhấn mạnh đến vai trò của Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Tổ dân phố, Ban quản lý khu phố trong vấn đề giải quyết bạo lực gia đình.

Gia đình có điều kiện kinh tế không thuận lợi cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc thiếu quan tâm, chăm sóc giáo dục trẻ, do đó chính quyền địa phương, các ban, ngành, đoàn thể cần thực hiện tốt các chính sách

ưu tiên phát triển kinh tế gia đình, mở rộng đối tượng vay vốn, tăng số lượng vốn vay, tăng thời gian sử dụng vốn vay cho đối tượng hộ gia đình nghèo, cận nghèo nhằm tạo điều kiện cần thiết ban đầu cho các gia đình vươn lên phát triển kinh tế. Cần có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình như chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động nông thôn, đưa tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tăng cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng lao động cho gia đình và xã hội.

3.2.2. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục

Qua nghiên cứu tội phạm giết người xảy ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy phần lớn bị cáo đều có trình độ học vấn thấp. Rõ ràng việc được nhận một nền giáo dục hoàn thiện sẽ giúp hạn chế hành vi phạm tội của con người. Vì vậy, hạn chế đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục, tạo cơ hội học tập, nâng cao dân trí sẽ góp phần phòng ngừa hiệu quả đối với tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng. Để làm tốt vai trò giáo dục, nhà trường cần phải:

- **Một là**, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thanh thiếu niên trong độ tuổi quy định được đến trường, vận động và tạo điều kiện để những học sinh bỏ học giữa chừng quay lại lớp học, nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường, không chạy theo thành tích mà chú trọng vào chất lượng giáo dục.

- **Hai là**, cần chú trọng công tác giáo dục đạo đức, nhân cách và kỹ năng sống cho học sinh. Nhà trường cần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, các sân chơi lành mạnh, phong phú, đa dạng và phục vụ cho mọi lứa tuổi, sở thích của các em như mô hình đội, nhóm, câu lạc bộ, trung tâm sinh hoạt thể thao, văn hóa,... Đây chính là những sân chơi lành mạnh thu hút các em, giúp các em giao lưu, học hỏi lẫn nhau nhằm hạn chế đến mức thấp nhất

việc giao lưu với những nhóm tiêu cực ngoài xã hội và tránh xa những thói quen xấu trong cộng đồng như chơi game bạo lực, cờ bạc, ma túy, mại dâm...

- **Ba là**, cần phải tăng cường mối liên hệ giữa gia đình, nhà trường để kịp thời phát hiện và có những biện pháp tác động phù hợp đối với những em có biểu hiện lười học, bỏ tiết, nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy, cờ bạc, chơi games, tụ tập nhóm không lành mạnh... Hạn chế thấp nhất việc áp dụng biện pháp xử lý là đuổi học, đình chỉ học đối với các em vi phạm nội quy nhà trường, vì việc đuổi học thực tế chỉ răn đe được một số ít học sinh, số còn lại mang tâm lý bất cần sau khi bị đuổi học. Chính vì vậy, khi nhà trường áp dụng biện pháp xử lý là đuổi học, đình chỉ học thì đã gián tiếp đưa học sinh ra ngoài xã hội nhiều cạm bẫy, có khả năng dễ tiếp cận với các thành phần xấu trong xã hội và đẩy học sinh đến gần với những tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật. Trong khi có nhiều cách có thể xử lý được như cảnh cáo trước toàn trường, đưa học sinh đó vào một nhóm giáo dục đặc biệt tại trường... Chỉ thông qua giáo dục và đào tạo, phẩm chất và năng lực của mỗi thành viên trong xã hội mới được nâng cao. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc hạn chế những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội giết người.

3.2.3. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường bạn bè

Bạn bè cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong việc hình thành các đặc điểm nhân thân xấu, đặc biệt là bạn bè đồng trang lứa. Gia đình cần phối hợp với nhà trường để biết được con em mình đang chơi với ai, bạn bè tốt hay xấu từ đó có sự can thiệp, điều chỉnh, định hướng cho phù hợp.

Ngoài ra, cha, mẹ phải thường xuyên quan tâm, chia sẻ, đối xử với trẻ như với một người bạn để trẻ tin tưởng mà tâm sự và khi gặp vấn đề gì khó khăn trong cuộc sống trẻ sẽ tìm sự động viên, khuyên bảo, định hướng từ cha mẹ. Các bậc cha mẹ cần phối hợp chặt chẽ với nhau để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, mong muốn của nhóm trẻ, từ đó có những định hướng kịp thời

trong mọi hoạt động của nhóm bạn thân, từ việc học tập, đến việc học năng khiếu, vui chơi, giải trí... Cha mẹ cần phải thực sự là những người bạn thân thiết của con cái, hiểu rõ và chia sẻ mọi khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống của con cũng như trong các mối quan hệ bạn bè phức tạp của con cái thì mới giúp con cái tránh khỏi những tác động xấu từ bạn bè, phát huy được lợi thế của nhóm bạn thân trong việc hình thành nhân cách con người.

3.2.4. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế

Hoàn cảnh kinh tế là một trong những yếu tố có ý nghĩa rất lớn đối với việc hình thành động cơ, mục đích phạm tội và tác động trực tiếp đến cách thức xử sự của con người. Kinh tế ổn định và phát triển là nền tảng vững chắc cho công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian qua, Đảng bộ và chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các chính sách phát triển kinh tế nhằm tạo nhiều việc làm cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm khoảng cách giàu nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, tạo nhiều quỹ phúc lợi xã hội. Nhưng bên cạnh đó cũng còn một bộ phận không nhỏ dân cư có đời sống kinh tế khó khăn, không việc làm, việc làm không ổn định, sự phân hóa giàu nghèo vẫn ở mức cao. Vì vậy, để giảm bớt các tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, thu hút đầu tư và tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, đặc biệt là doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm có hàm lượng giá trị cao; sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, ít gây ô nhiễm môi trường; đầu tư vào các khu vực nông thôn các ngành nghề vừa phát triển kinh tế nhanh vừa giải quyết được vấn đề việc làm cho người lao động... bằng các biện pháp: Hỗ trợ vay vốn; gia hạn, khấu trừ, hoàn thuế, miễn, giảm thuế nội địa và xuất nhập khẩu; đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Thứ hai, khuyến khích hỗ trợ phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu: Phát triển mạnh các ngành dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, logistics, y tế, giáo dục, du lịch, viễn thông, đặc biệt các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp; thực hiện có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại, tạo điều kiện mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ thiết yếu, hệ thống bán lẻ, tăng cường quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ nâng giá...; đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, giảm phụ thuộc vào một thị trường, hạn chế nhập khẩu thiết bị công nghệ lạc hậu, hàng hóa trong nước đã sản xuất được, ưu tiên nhập khẩu vật tư thiết bị và công nghệ tiên tiến.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và nông thôn: Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư và chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, các quy trình sản xuất, các mô hình canh tác tiên tiến nhằm chuyển biến mạnh mẽ về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông; thu hút đầu tư vào các vùng nông thôn (các huyện ngoại thành của Thành phố Hồ Chí Minh) gắn với xây dựng nông thôn mới.

Phát triển kinh tế nhằm tạo thêm nhiều công ăn, việc làm cho người dân là một trong các giải pháp quan trọng nhằm hạn chế tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, kinh tế khó khăn, từ đó sẽ dần góp phần nâng cao đời sống một bộ phận dân cư khó khăn, khắc phục dần tình trạng nghèo đói sinh ra bất mãn, ghen tức, thù hận, chống đối, tìm mọi cách kiếm tiền bất chính.

3.2.5. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa - xã hội

Để hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường xã hội, các cấp chính quyền và các tổ chức xã hội cần phải:

Thứ nhất, đảm bảo thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội và giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố, tăng cường các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp tham gia giải quyết việc làm cho người lao động,

thông qua các chính sách ưu tiên như hỗ trợ vay vốn, miễn, giảm, gia hạn nộp thuế... để họ tiếp nhận và đào tạo lao động phổ thông, lao động nghèo, lao động thuộc diện chính sách, người chấp hành xong hình phạt tù

Thứ hai, quản lý, kiểm soát chặt chẽ số người đến tạm trú và lưu trú trên địa bàn thành phố, đặc biệt là ở các KCN, các quận vùng ven mới thành lập như quận Bình Tân, Tân Phú,....

Thứ ba, cần có những biện pháp cụ thể quản lý, kiểm tra chặt chẽ đối với các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí thu hút trẻ vị thành niên tham gia như vũ trường, quán bar, karaoke, quán Internet

Thứ tư, thường xuyên kiểm tra các nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn, về việc đăng ký cho khách đến thuê phòng. Đây là một trong những nơi mà tội phạm lợi dụng sự thiếu trách nhiệm, sở hữ của người chủ để gây án.

Thứ năm, kiểm soát chặt chẽ việc xuất bản, in ấn, phát hành các sản phẩm văn hóa, loại trừ các sản phẩm văn hóa đồi trụy, kích động bạo lực, lối sống suy đồi,...

3.2.6. Các giải pháp ngăn chặn tái phạm tội

3.2.6.1. Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự

Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự cũng là biện pháp quan trọng nhằm giúp cho người phạm tội hiểu, nhận thức hành vi mình đã gây ra, biết ăn năn hối hận về hành vi của mình và cố gắng sửa chữa, trở thành người có ích cho gia đình, cho xã hội. Vì vậy, để công tác thi hành án hình sự được tốt hơn trong thời gian tới cần phải:

Thứ nhất, chính quyền địa phương cần sự quan tâm hơn nữa trong việc trang bị cơ sở vật chất phù hợp với việc phục vụ cải tạo phạm nhân nhằm biến nhà tù thành trường học, tạo điều kiện cho họ có cơ hội hòa nhập cộng đồng tốt hơn khi chấp hành xong hình phạt tù.

Thứ hai, kiện toàn đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác thi hành án hình sự. Đảm bảo đủ về số lượng, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trang bị kỹ năng, kiến thức tâm lý lứa tuổi cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác thi hành án hình sự.

Thứ ba, phải nắm vững được đặc điểm nhân thân, lai lịch của từng phạm nhân để thực hiện tốt việc phân loại phạm nhân và áp dụng các biện pháp, tuyên truyền, quản lý, giáo dục cho phù hợp, hiệu quả.

Thứ tư, cần nâng cao chất lượng công tác giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và thực hiện có hiệu quả Nghị định 80/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù cho phạm nhân. Giáo dục kỹ năng sống, tư vấn, trợ giúp về tâm lý cho phạm nhân nhằm định hướng và nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc và định hướng nghề nghiệp... Bên cạnh đó, cần phải trang bị kiến thức cơ bản về pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, Luật giao thông đường bộ... và hỗ trợ các thủ tục pháp lý, tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật để họ có thể tái hòa nhập cộng đồng.

Thứ năm, cần phải đưa chương trình đào tạo nghề vào các trại giam trên địa bàn thành phố để tổ chức lao động, dạy nghề cho người chấp hành án; Cần đào tạo cho phạm nhân những ngành nghề phù hợp với nhu cầu xã hội và khả năng của người phạm tội, bảo đảm cho họ sau khi chấp hành xong hình phạt tù có thể kiếm sống lương thiện bằng nghề đã được học. Nâng cao ý thức tôn trọng sở hữu, tôn trọng giá trị lao động, tôn trọng đạo đức, pháp luật cho họ. Điều này có ý nghĩa lớn trong việc giáo dục cải tạo người phạm tội, giúp họ hiểu rõ được giá trị của lao động để khi mãn hạn tù về họ có thể dễ dàng tái hòa nhập cộng đồng.

3.2.6.2. Thực hiện tốt công tác tái hòa nhập cho người chấp hành xong hình phạt

Bên cạnh việc nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự, để người chấp hành xong hình phạt tù có thể dễ dàng tái hòa nhập cộng đồng thì một phần đóng góp không nhỏ nhờ vào sự tác động tích cực từ gia đình và xã hội. Vì vậy, gia đình và xã hội cần thực hiện các biện pháp:

Thứ nhất, chính quyền địa phương, các trường học và cơ sở giáo dục trên địa bàn cần tạo điều kiện cho người phạm tội sau khi chấp hành xong hình phạt được tiếp tục đến trường để trang bị cho họ những kiến thức cơ bản tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

Thứ hai, các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội cần phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức dạy nghề, nâng cao tay nghề, quan tâm giúp đỡ về vật chất, tạo ưu đãi vay vốn cho người chấp hành xong hình phạt tù để họ có việc làm đảm bảo ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

Thứ ba, gia đình và chính quyền địa phương cần phải thường xuyên nắm tình hình, hoạt động, diễn biến, tâm tư, nguyện vọng, những thuận lợi, khó khăn của người chấp hành xong hình phạt tù để có biện pháp quản lý, giáo dục, cảm hóa, động viên giúp đỡ, nhắc nhở họ xóa bỏ mặc cảm, tích cực lao động, học tập, tham gia các hoạt động xã hội chung tại cộng đồng dân cư và phải chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ tư, cần phải tổ chức tuyên truyền rộng rãi, nâng cao nhận thức trong các tầng lớp nhân dân về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với người chấp hành xong án phạt tù về giết người nói riêng và tội phạm nói chung. Kêu gọi mỗi cá nhân và toàn xã hội xóa bỏ thái độ, hành vi định kiến, kì thị với người chấp hành xong hình phạt tù và quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ họ ổn định cuộc sống, góp phần phòng ngừa, chống tái phạm tội và hành vi vi phạm pháp luật khác. Tuyên truyền những mô hình tiên tiến, cách

làm sáng tạo có hiệu quả thiết thực giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù tái hoà nhập cộng đồng.

Những giải pháp trên đây chỉ là các giải pháp ngắn hạn, theo quan điểm của người viết giải pháp quan trọng nhất mang tính dài hạn và quyết định là bắt đầu từ giáo dục, người thực hiện đề tài đề xuất những giải pháp có thể tiến hành ngay và hầu như không tốn kém như sau:

+ *Đưa các khái niệm cơ bản về quyền con người và một số điều của Tuyên ngôn nhân quyền 1948 có liên quan đến quyền được sống (Điều 1, Điều 2, Điều 3) [47, tr3] vào giảng dạy từ cấp tiểu học để các em hiểu rõ quyền của mình từ đó tôn trọng quyền của người khác trong đó có quyền được sống và an toàn cá nhân, nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu để làm nền tảng cho các chuẩn mực ứng xử từ lứa tuổi tiểu học.*

+ *Bỏ việc xét xử lưu động để ngăn chặn sự lan truyền của những hình ảnh và phương án hành xử tiêu cực.*

Kết luận Chương 3

Chương 3 của luận văn đã sử dụng các cơ sở lí luận và thực tiễn các đặc điểm nhân thân của người phạm tội giết người đã được phân tích ở hai chương trước để đưa ra một số dự báo về tình hình tội giết người và các đặc điểm nhân thân người phạm tội giết người tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới, đồng thời đề xuất các giải pháp cho việc hoàn thiện công tác đấu tranh phòng, chống tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Các giải pháp này chủ yếu nhắm đến việc hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường gia đình, nhà trường, bạn bè, kinh tế - văn hóa – xã hội đến quá trình hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực ở người phạm tội. Ngoài ra, còn đề xuất nhóm giải pháp ngăn chặn tái phạm tội.

KẾT LUẬN

Tội giết người là hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội; do vậy: Đề đấu tranh phòng, chống có hiệu quả với tình hình tội giết người thì việc nhận thức một cách đúng đắn, sâu sắc nhân thân người phạm tội giết người là rất quan trọng, bởi nhân thân người phạm tội giữ vai trò quan trọng trong cơ chế thực hiện hành vi phạm tội. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội giết người để tìm hiểu nguyên nhân làm phát sinh tội phạm giết người, định tội, định khung, quyết định hình phạt một cách chính xác, cũng như đề ra các biện pháp hữu hiệu giáo dục, cải tạo người phạm tội giết người.

Luận văn là công trình đi sâu nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học về nhân thân người phạm tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012– 2016 để làm rõ các đặc điểm nhân thân của người phạm tội giết người và các yếu tố tiêu cực tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội giết người phù hợp với đặc điểm về địa lý, dân cư, điều kiện kinh tế, xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; tìm ra hoàn cảnh cụ thể đã đưa đến việc thực hiện tội phạm; từ đó đưa ra dự báo về tình hình tội giết người trong thời gian tới và đề xuất một số giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới. Các đề xuất này nhằm điều chỉnh một số giải pháp cho phù hợp với tình hình mới, bên cạnh những giải pháp hiện hữu đã và đang phát huy tác dụng tốt.

Mặc dù người viết đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót

Mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô giáo, các đồng nghiệp, các nhà khoa học,... để tiếp tục hoàn thiện kết quả nghiên cứu của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
2. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội - Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án, (số 10), tr. 7-11, (số 11), tr. 5-8.
3. Nguyễn Văn Cảnh cùng tập thể tác giả (2010), *Tội phạm học*, Nxb Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tĩnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
5. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*.
6. Nguyễn Chí Công (2013), *Phòng ngừa tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long từ góc độ nhân thân người phạm tội*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
7. Lê Văn Định (2015), *Đặc điểm nhân thân người phạm tội và phương thức thực hiện tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, Tạp chí Kiểm sát, (số 06), tr. 47-53.
8. Đỗ Đức Hồng Hà (2005), *Các tình tiết định khung tăng nặng trong tội giết người phản ánh mức độ lỗi và các đặc điểm về nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 18), tr. 17-20.
9. Ngô Minh Hải (2015), *Đặc điểm nhân thân người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai dưới góc độ tội phạm học*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Quang Hạnh (2013), *Một số vấn đề nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Nghề luật, (số 1), tr. 52-57.

11. Vũ Gia Hiền (2005), *Tâm lý học và chuẩn hành vi*, Nxb Lao động.
12. Nguyễn Xuân Nghĩa (2002), *Xã hội học*, Nxb Đại học Mở Tp.HCM.
13. Đinh Văn Quế (2009), *Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Tòa án, (số 13), tr. 23-27, (số 14), tr.19-28.
14. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 sửa đổi bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
16. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2001), *Một số vấn đề về nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 5), tr. 46-53.
18. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2001), *Nhân thân người phạm tội với việc quy trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Tòa án, (số 8), tr. 2-7.
19. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Nhân thân người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.
20. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 19), tr. 3-9
21. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 17), tr. 32-35.
22. Phạm Uyên Thy (2015), *Nhân thân người phạm tội trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
23. Phạm Văn Tĩnh (2000), *Các phương pháp nghiên cứu tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.

24. Phạm Văn Tình (2004), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

25. Phạm Văn Tình (2005), *Đặc điểm định lượng của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4), tr. 73-83.

26. Phạm Văn Tình (2005), *Đặc điểm định tính của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 10), tr. 65-76.

27. Phạm Văn Tình (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của Tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 6), tr. 73-79.

26. Phạm Văn Tình (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

28. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm học*, Tạp chí Luật học, (số 11), tr. 43-51.

29. Trần Hữu Tráng (2010), *Tác động của kinh tế thị trường đến tình hình tội phạm và phòng ngừa tội phạm ở nước ta*, Tạp chí Luật học, (số 1), tr. 42-50.

30. Trần Hữu Tráng (2014), *Dự báo nguy cơ tội phạm*, Tạp chí Luật học, (số 4), tr. 46-53.

31. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

32. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

34. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam.

35. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Xã hội học đại cương*, Nxb Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam.
36. Lê Đức Tùng (2005), *Cần có biện pháp để thống nhất khi áp dụng tình tiết đã bị xử phạt hành chính trong Bộ luật hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 5), tr. 34-36.
37. Đào Trí Úc (1993), *Hệ thống các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Bộ Nội vụ, tr. 18-22.
38. Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
40. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Huế.
41. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật, những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
43. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự phần các tội phạm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
45. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. R. C. Attkinson and R. M. Shiffrin (1968), *Human memory: A proposed system and its control processes* (*Tạm dịch: Tư duy con người: Hệ thống truy xuất và cơ chế kiểm soát của nó*)
47. United nations (1948) *Tuyên ngôn về nhân quyền 1948*.